

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 558-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

- | | | |
|------|--|----------------------------------|
| [1] | Tên chương trình: | Cử nhân Tài chính Ngân hàng |
| [2] | Trình độ đào tạo: | Đại học |
| [3] | Ngành đào tạo: | TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG |
| [4] | Chuyên ngành đào tạo: | |
| | + Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng | |
| | + Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp | |
| [5] | Mã ngành đào tạo: | [7340201] |
| [6] | Loại hình đào tạo: | Chính quy tập trung |
| [7] | Khóa học: | 2025 - 2029 |
| [8] | Tên Khoa: | Khoa Quản trị Kinh doanh |
| [9] | Trường cấp bằng: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |
| [10] | Cơ sở tổ chức giảng dạy: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |

2. Mục tiêu đào tạo

[1] Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng (TCNH) hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kết hợp với tư duy phân tích, khả năng ứng dụng công nghệ số và kỹ năng nghề nghiệp hiện đại. Sinh viên tốt nghiệp có nhận thức đúng đắn về chính trị, kinh tế và xã hội; có năng lực thực hành hiệu quả trong các lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp, kinh doanh ngân hàng và đầu tư tài chính; có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập và công việc; có tinh thần học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế toàn cầu; có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường chuyên nghiệp, hội nhập quốc tế.

[2] Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

Chương trình đào tạo hướng đến việc trang bị cho người học các năng lực cốt lõi sau:

2.1. Kiến thức nền tảng và chuyên ngành

- + Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản về kinh tế, tài chính – ngân hàng, và pháp luật liên quan vào thực tiễn.
- + Nắm vững kiến thức về quản lý tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kinh doanh ngân hàng và thị trường tài chính.
- + Ứng dụng các công nghệ số và phương pháp phân tích hiện đại vào lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

2.2. Kỹ năng nghề nghiệp và tư duy phân tích

- + Có khả năng thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu tài chính, nhận diện rủi ro và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả.

- + Thành thạo các nghiệp vụ tài chính – ngân hàng như quản lý tài chính doanh nghiệp, đầu tư, tín dụng, thanh toán và quản trị rủi ro.
- + Ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động tài chính – ngân hàng để nâng cao hiệu quả công việc.

2.3. Năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp

- + Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- + Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường đa văn hóa.
- + Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập và công việc chuyên môn (tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

2.4. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

- + Tự tin, chủ động trong công việc và có tinh thần học tập suốt đời để nâng cao năng lực chuyên môn.
- + Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm xã hội và làm việc chuyên nghiệp.

[3] **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR CTĐT):**

A. Kiến thức

- + CĐR_A.01: Trình bày và giải thích rõ ràng các nguyên lý cơ bản về kinh tế, chính trị, pháp luật và xã hội có liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- + CĐR_A.02: Vận dụng kiến thức về tài chính – ngân hàng và chuyên ngành trong việc phân tích, dự báo, lập kế hoạch và quản lý tài chính doanh nghiệp cũng như kinh doanh ngân hàng.
- + CĐR_A.03: Hiểu và ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bao gồm quản lý tài chính doanh nghiệp và hoạt động ngân hàng hiện đại.

B. Kỹ năng

- + CĐR_B.01: Thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bao gồm quản lý tài chính doanh nghiệp, lập dự án đầu tư và thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng thương mại.
- + CĐR_B.02: Tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính, nhận diện và quản lý rủi ro trong hoạt động tài chính doanh nghiệp và kinh doanh ngân hàng.
- + CĐR_B.03: Ứng dụng các công cụ công nghệ số và phân tích dữ liệu trong các hoạt động tài chính – ngân hàng.
- + CĐR_B.04: Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp, học thuật và công việc chuyên môn (tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

C. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- + CĐR_C.01: Chủ động, tự tin trong công việc và có tinh thần học tập suốt đời để thích nghi với sự thay đổi của ngành.
- + CĐR_C.02: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm xã hội và hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.

[4] **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc trong các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

- + Tại doanh nghiệp: Cử nhân TCNH có thể làm việc tại doanh nghiệp thuộc nhiều loại hình khác nhau, bao gồm doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp lớn, công ty có vốn đầu tư trong nước, công ty liên doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các vị trí tiềm năng gồm:
 - Chuyên viên hoặc trưởng bộ phận quản trị tài chính doanh nghiệp.
 - Chuyên viên phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh.
 - Chuyên viên quản lý rủi ro tài chính.
 - Chuyên viên phân tích và thẩm định đầu tư doanh nghiệp.
- + Tại ngân hàng thương mại: Cử nhân TCNH có thể làm việc tại các ngân hàng thương mại, bao gồm ngân hàng trong nước, ngân hàng liên doanh và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài. Các vị trí phù hợp gồm:
 - Chuyên viên hoặc trưởng bộ phận tín dụng ngân hàng.
 - Chuyên viên thẩm định tín dụng.
 - Chuyên viên thanh toán và giao dịch ngân hàng.
 - Chuyên viên quản lý rủi ro tín dụng và tài chính ngân hàng.
- + Tại cơ quan quản lý nhà nước về tài chính – ngân hàng: Sinh viên tốt nghiệp có thể công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng từ trung ương đến địa phương, cũng như các đơn vị sự nghiệp có liên quan, với các vị trí như:
 - Chuyên viên tại Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Thuế và các sở, ban, ngành địa phương.
 - Chuyên viên tại các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- + Tại các tổ chức nghiên cứu và giáo dục: Với nền tảng kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cử nhân TCNH có thể phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo, đảm nhiệm các vai trò:
 - Chuyên viên nghiên cứu về tài chính – ngân hàng tại các viện nghiên cứu, tổ chức tài chính trong và ngoài nước.
 - Giảng viên giảng dạy các môn học về tài chính – ngân hàng tại các cơ sở đào tạo.

3. Thời gian đào tạo:

[1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.

[2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm:

Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sau thời gian đào tạo chính khóa, sinh viên chưa hoàn thành chương trình đào tạo được phép kéo dài thời gian thêm 2,0 năm để hoàn thành chương trình.

Trong trường hợp đặc biệt được nhà trường cho phép gia hạn, tổng thời gian học tập không được vượt quá hai lần so với thời gian theo kế hoạch.

Sinh viên không hoàn thành chương trình đào tạo và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên trường.

Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	3,5 năm (7 học kỳ chính)	2,0 năm

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

[1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ.**

[2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10% tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thực hành, thực tập tại phòng thực hành và chuyên đề;
- + Các môn học có đi kiến tập, thực tập và làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ, chứng nhận).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

Ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300	100.00	90	30.00	210	70.00	375
- [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165	55.00	90	54.55	75	45.45	240
- [0] Giáo dục Thể chất	0		135	45.00	0	00.00	135	100.00	135
Môn học trong chương trình đào tạo	125		2205		1125	51.02	1080	48.98	3555
Kiến thức Giáo dục đại cương	31	24.80	525	23.81	330	62.86	195	37.14	870
- [1] Khoa học tự nhiên	9	07.20	135	06.12	75	55.56	60	44.44	270
- [2] Khoa học xã hội	22	17.60	390	17.69	255	65.38	135	34.62	600
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	85	68.00	1275	57.82	795	62.35	480	37.65	2550
- [3] Cơ sở ngành	33	26.40	495	22.45	315	63.64	180	36.36	990
- [4.1] Ngành	35	28.00	525	23.81	315	60.00	210	40.00	1050
- [4.2] Chuyên ngành	17	13.60	255	11.56	165	64.71	90	35.29	510
Bài thi tốt nghiệp	9	07.20	405	18.37	0	00.00	405	100.00	135
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp	3	02.40	135	06.12	0	00.00	135	100.00	45
- [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	6	04.80	270	12.24	0	00.00	270	100.00	90

Ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300	100.00	90	30.00	210	70.00	375
– [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165	55.00	90	54.55	75	45.45	240
– [0] Giáo dục Thể chất	0		135	45.00	0	00.00	135	100.00	135
Môn học trong chương trình đào tạo	124		2190		1110	50.68	1080	49.32	3525
Kiến thức Giáo dục đại cương	31	25.00	525	23.97	330	62.86	195	37.14	870
– [1] Khoa học tự nhiên	9	07.26	135	06.16	75	55.56	60	44.44	270
– [2] Khoa học xã hội	22	17.74	390	17.81	255	65.38	135	34.62	600
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	84	67.74	1260	57.53	780	61.90	480	38.10	2520
– [3] Cơ sở ngành	33	26.61	495	22.60	315	63.64	180	36.36	990
– [4.1] Ngành	35	28.23	525	23.97	315	60.00	210	40.00	1050
– [4.2] Chuyên ngành	16	12.90	240	10.96	150	62.50	90	37.50	480
Bài thi tốt nghiệp	9	07.26	405	18.49	0	00.00	405	100.00	135
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	3	02.42	135	06.16	0	00.00	135	100.00	45
– [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	6	04.84	270	12.33	0	00.00	270	100.00	90

5. Đối tượng tuyển sinh:

[1] Cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

[2] Đào tạo văn bằng hai:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư các ngành trình độ đại học và phải qua kỳ xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa phối hợp cùng Phòng Đào tạo xem xét bảng điểm toàn khóa của thí sinh, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp Văn bằng 2 ngành Tài chính Ngân hàng trình độ đại học.

[3] Đào tạo liên thông đại học từ cao đẳng:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng (hoặc ngành gần) trình độ cao đẳng và qua kỳ thi tuyển sinh đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Đào tạo Liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và của Khoa tổ chức xét duyệt bảng điểm toàn khóa của thí sinh trong quá trình học cao đẳng, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng trình độ đại học.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

[1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

[2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành

cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

[3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

- + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
- + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gửi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.

[4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.

- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);

- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

8. Nội dung chương trình

[1] Ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		31	525	330	195	870
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		9	135	75	60	270
5	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
7	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
			Nhóm môn Khoa học xã hội		22	390	255	135	600
8	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
12	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	1680	795	885	2685
			Nhóm môn cơ sở ngành		33	495	315	180	990
18	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
19	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK3	BA49004	Luật kinh tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	BA29001	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK3	BA49001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
27	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	3[1.2.6]	3	45	15	30	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
			Tên môn học			Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
28	HK5	BA49003	Đàm phán và giao tiếp kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn ngành Tài chính Ngân hàng		35	525	315	210	1050
29	HK4	BA39004	Kế toán tài chính 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
30	HK4	BA39026	Tài chính doanh nghiệp 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
31	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
32	HK4	BA39027	Thuế	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
33	HK5	BA39028	Kế toán quản trị	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
34	HK5	BA39008	Kế toán tài chính 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK5	BA39013	Thanh toán quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
36	HK5	BA33163	Thị trường tài chính phái sinh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
37	HK5	BA39025	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
38	HK2	BA39029	Môn học tự chọn 1_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
39	HK3	BA39030	Môn học tự chọn 2_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
40	HK4	BA39031	Môn học tự chọn 3_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
41	HK5	BA39050	Môn học tự chọn 4_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
42	HK6	BA39051	Môn học tự chọn 5_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn chuyên ngành Ngân hàng		17	255	165	90	510
43	HK6	BA39032	Định giá tài sản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK6	BA39033	Kế toán ngân hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
45	HK6	BA39012	Ngân hàng thương mại	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
46	HK6	BA39034	Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
47	HK6	BA39035	Quản trị ngân hàng thương mại	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
48	HK6	BA39036	Thẩm định tín dụng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn tốt nghiệp		9	405	0	405	135
49	HK7	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
50	HK7	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			DANH SÁCH MÔN TỰ CHỌN		35	705	240	465	960
1	HK2	BA09063	Kỹ năng tự học và PP nghiên cứu ở đại học	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
2	HK2	BA39043	Chiến lược chuyển đổi số	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
3	HK3	BA09061	Chính sách tiền tệ	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
4	HK3	BA39042	Tài chính hành vi	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
5	HK4	BA29028	Lập kế hoạch marketing	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
6	HK4	BA39041	Quản lý tài chính cá nhân	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
7	HK5	BA29006	Thương mại điện tử	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
8	HK5	BA39044	Công nghệ tài chính	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
9	HK6	BA39037	Bảo hiểm	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
10	HK6	BA39045	Ngân hàng số	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
11	HK7	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Môn TT_BTTN chọn 02: 01 BB; 01 TC						
			Môn bắt buộc						
12	HK7	BA39010	TT_BTTN_Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Môn tự chọn: chọn 01 trong 02						
13	HK7	BA33160	TT_BTTN_Marketing ngân hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
14	HK7	BA33161	TT_BTTN_Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

[2] Ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Quản trị Tài chính

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
			Tên môn học			Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		31	525	330	195	870
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		9	135	75	60	270
5	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
7	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
			Nhóm môn Khoa học xã hội		22	390	255	135	600
8	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
12	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93	1665	780	885	2655
			Nhóm môn cơ sở ngành		33	495	315	180	990
18	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
19	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK3	BA49004	Luật kinh tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	BA29001	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK3	BA49001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
27	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
28	HK5	BA49003	Đàm phán và giao tiếp kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn ngành Tài chính Ngân hàng		35	525	315	210	1050
29	HK4	BA39004	Kế toán tài chính 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
30	HK4	BA39026	Tài chính doanh nghiệp 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
31	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
32	HK4	BA39027	Thuế	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
33	HK5	BA39028	Kế toán quản trị	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
34	HK5	BA39008	Kế toán tài chính 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK5	BA39013	Thanh toán quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
36	HK5	BA33163	Thị trường tài chính phái sinh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
37	HK5	BA39025	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng	2[1.1.4]	2	30	15	15	60

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
38	HK2	BA39029	Môn học tự chọn 1_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
39	HK3	BA39030	Môn học tự chọn 2_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
40	HK4	BA39031	Môn học tự chọn 3_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
41	HK5	BA39050	Môn học tự chọn 4_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
42	HK6	BA39051	Môn học tự chọn 5_TCNH	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn chuyên ngành Tài chính DN		16	240	150	90	480
43	HK6	BA33019	Đầu tư tài chính	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK6	BA39048	Định giá doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
45	HK6	BA09062	Kinh doanh ngoại hối	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
46	HK6	BA39049	Mô hình tài chính	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
47	HK6	BA39046	Tài chính doanh nghiệp 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
48	HK6	BA39047	Thực hành Tài chính doanh nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn tốt nghiệp		9	405	0	405	135
49	HK7	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
50	HK7	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			DANH SÁCH MÔN TỰ CHỌN		35	705	240	465	960
1	HK2	BA39043	Chiến lược chuyển đổi số	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
2	HK2	BA09063	Kỹ năng tự học và PP nghiên cứu ở đại học	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
3	HK3	BA09061	Chính sách tiền tệ	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
4	HK3	BA39042	Tài chính hành vi	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
5	HK4	BA29028	Lập kế hoạch marketing	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
6	HK4	BA39041	Quản lý tài chính cá nhân	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
7	HK5	BA39044	Công nghệ tài chính	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
8	HK5	BA29006	Thương mại điện tử	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
9	HK6	BA39037	Bảo hiểm	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
10	HK6	BA39045	Ngân hàng số	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
11	HK7	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Môn TT_BTTN chọn 02: 01 BB; 01 TC						
			Môn bắt buộc						
12	HK7	BA39010	TT_BTTN_ Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Môn tự chọn: chọn 01 trong 02						
13	HK7	BA33160	TT_BTTN_Marketing ngân hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
14	HK7	BA33161	TT_BTTN_Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 1

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

12. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế theo định hướng ứng dụng, lấy người học làm trung tâm, nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn tài chính – ngân hàng, cũng như nâng cao khả năng tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề.

Để đạt được các mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đã đề ra, chương trình áp dụng linh hoạt và tích hợp các phương pháp giảng dạy hiện đại sau:

- [1] Phương pháp thuyết trình kết hợp trao đổi tương tác
 - + Giảng viên trình bày khái niệm, nguyên lý cốt lõi kết hợp với đặt câu hỏi mở nhằm khơi gợi tư duy phản biện.
 - + Sinh viên được khuyến khích tham gia thảo luận, nêu quan điểm và phản biện trong lớp học.
- [2] Phương pháp học qua tình huống (case study)
 - + Áp dụng các tình huống thực tế từ doanh nghiệp, ngân hàng, thị trường tài chính để sinh viên phân tích, đánh giá, đưa ra quyết định.
 - + Được sử dụng mạnh trong các học phần như: Thẩm định tín dụng, Quản trị ngân hàng thương mại, Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, Định giá tài sản...
- [3] Phương pháp học theo dự án (Project-based learning)
 - + Sinh viên thực hiện các dự án nhóm liên quan đến thiết lập kế hoạch tài chính, phân tích đầu tư, xây dựng danh mục chứng khoán, lập kế hoạch marketing tài chính...
 - + Phát triển năng lực làm việc nhóm, tư duy tổng hợp, kỹ năng trình bày chuyên nghiệp.
- [4] Phương pháp mô phỏng, thực hành công nghệ
 - + Tăng cường sử dụng phần mềm như Microsoft Excel, Power BI, Crystal Ball, phần mềm kế toán – ngân hàng mô phỏng.
 - + Đặc biệt áp dụng trong các môn: Mô hình tài chính, Thực hành tài chính doanh nghiệp, Kế toán ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp 2...
- [5] Học tập thông qua thực tế (Experiential learning)
 - + Tổ chức tham quan thực tế tại ngân hàng, công ty chứng khoán, doanh nghiệp.
 - + Lồng ghép kiến tập, thực tập thực tế trong học kỳ cuối giúp sinh viên củng cố kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.
- [6] Phương pháp học tập cá nhân hóa – tự định hướng
 - + Giao nhiệm vụ học tập linh hoạt, khuyến khích sinh viên sử dụng nguồn tài nguyên học tập mở, công cụ AI hỗ trợ học tập và nghiên cứu.
 - + Hình thành kỹ năng học suốt đời, tự học, và thích nghi với môi trường làm việc số hóa.

13. Phương pháp kiểm tra - đánh giá

Phương pháp kiểm tra – đánh giá trong chương trình đào tạo Cử nhân Tài chính – Ngân hàng được thiết kế nhằm:

- + Đánh giá toàn diện năng lực người học về kiến thức, kỹ năng và thái độ;
- + Đảm bảo công bằng, khách quan, minh bạch;
- + Gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động đánh giá với mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra chương trình.

[1] **Đánh giá quá trình học tập và chuyên cần**

- + Bài tập cá nhân / nhóm: Giải quyết tình huống thực tế tài chính – ngân hàng, thẩm định tín dụng, thiết lập ngân sách...
- + Bài trình bày thuyết trình (presentation): Đánh giá kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và giao tiếp chuyên nghiệp.
- + Kiểm tra nhanh, vấn đáp, trắc nghiệm ngắn: Kiểm tra khả năng ghi nhớ, tư duy phản xạ và mức độ hiểu biết kiến thức nền tảng.
- + Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng: Sinh viên tham gia đánh giá lẫn nhau trong hoạt động nhóm hoặc thảo luận, dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- + Điểm chuyên cần: Điểm chuyên cần được ghi nhận qua việc điểm danh, mức độ tương tác LMS; sinh viên duy trì sự có mặt và tham gia tích cực sẽ được cộng điểm, còn vắng mặt hoặc thiếu tương tác sẽ bị trừ điểm. Mức chuyên cần này kết hợp với các minh chứng học tập khác để hình thành điểm quá trình – điều kiện bắt buộc trước khi dự thi cuối kỳ theo quy định của nhà trường.

[2] **Kiểm tra giữa kỳ**

- + Tự luận / trắc nghiệm / giải bài tập định lượng theo hình thức cá nhân.
- + Đề kiểm tra có thể bao gồm phân tích dữ liệu tài chính, xây dựng mô hình kế hoạch, áp dụng phần mềm xử lý dữ liệu.

[3] **Thi cuối kỳ**

- + Thi viết trên lớp (tự luận, trắc nghiệm, giải bài tập); hoặc
- + Bài thi mô phỏng (trên Excel hoặc phần mềm chuyên ngành); hoặc
- + Bài tiểu luận chuyên đề, có thể trình bày kèm minh chứng thực hành.

[4] **Đánh giá năng lực thực hành – ứng dụng**

- + Trong các học phần như Thực hành tài chính doanh nghiệp, Mô hình tài chính, Kế toán ngân hàng, đánh giá thông qua bài thực hành, báo cáo phân tích, lập mô hình, hoặc file dữ liệu tài chính thực tế do sinh viên thực hiện.
- + Thực hiện rubric đánh giá rõ ràng, đảm bảo minh bạch và gắn với chuẩn đầu ra từng môn học.

[5] **Đánh giá học phần tốt nghiệp**

- + Thực tập tốt nghiệp và Bài thi tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá theo bộ tiêu chí riêng biệt, tập trung vào:
 - Năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức – kỹ năng – thái độ vào thực tế.
 - Khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn, trình bày và đề xuất giải pháp khả thi.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[2] **Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:**

- + Phân chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.

- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[3] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]
 - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:

- Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
- Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[4] Ký hiệu liên quan đến môn học

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: -----[GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - o Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - o 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - o 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - o 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

15. Mô tả tóm tắt môn học:

[1] Kiến thức Giáo dục chuyên biệt

[MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National Defense and Security Education)-----0[6.3.16]

[GS99005] Giáo dục thể chất (Physical Education) 1 ----- 0[0.2.3]

- + Phân lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất (Physical Education) với sinh viên, nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
- + Phân thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và môn thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).

[GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất (Physical Education) 2 và 3 (Tự chọn bắt buộc) ----- 0[0.2.3]

- + Chọn 02 trong 05 nội dung sau:
- + Môn Aerobic:
 - Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất (Physical Education) trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và biên soạn bài Aerobic.
- + Môn Bóng bàn cơ bản:
 - Phân lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phân thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đúng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.
- + Bóng chuyền cơ bản:
 - Phân lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyển bóng, phát bóng và đập bóng).
- + Bóng rổ cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).
- + Cầu lông cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] Kiến thức giáo dục đại cương (General Education Knowledge), Nhóm môn Khoa học tự nhiên (Group of Natural Science Courses)

[BA13901] Toán ứng dụng trong kinh doanh (Applied Mathematics in Business) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức toán học ứng dụng trong kinh doanh, giúp họ hiểu và áp dụng công cụ toán học vào phân tích, ra quyết định và giải quyết các vấn đề kinh tế.
- + Nội dung: Cung cấp kiến thức toán học quan trọng, bao gồm hàm số, ma trận, đạo hàm, tích phân và ứng dụng của chúng trong kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách áp dụng toán học vào tối ưu hóa lợi nhuận, phân tích cung cầu và dự báo kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Phương trình, hàm số và đồ thị;
 - Đại số ma trận tuyến tính và ứng dụng;
 - Đạo hàm và ứng dụng trong kinh tế;
 - Tích phân bất định và tích phân xác định;
 - Hàm số nhiều biến và tối ưu hóa trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và vận dụng công cụ toán học vào phân tích kinh doanh và kinh tế.
 - Áp dụng toán học vào bài toán tối ưu hóa trong quản trị tài chính và marketing.
 - Phát triển tư duy logic, phân tích dữ liệu và ra quyết định kinh doanh dựa trên tính toán.

[GS59003] Tin học căn bản và thực hành (Basic Informatics and Practice) ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về tin học, bao gồm nguyên lý cơ bản về hệ điều hành, internet và các phần mềm ứng dụng. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng sử dụng máy tính trong xử lý văn bản, lập bảng tính và thiết kế trình chiếu, hỗ trợ hiệu quả trong học tập và công việc. Môn học giúp sinh viên nâng cao năng lực tin học ứng dụng, phục vụ cho việc quản lý, phân tích dữ liệu và trình bày thông tin một cách chuyên nghiệp.
- + Nội dung: Sinh viên học cách sử dụng công cụ tin học cơ bản thông qua các nội dung sau:
 - Hệ điều hành Windows: Cấu trúc, quản lý tập tin, thư mục, thao tác với Control Panel, bảo mật và chia sẻ dữ liệu.
 - Internet và ứng dụng: Sử dụng trình duyệt web, tìm kiếm thông tin, quản lý email, ứng dụng mạng xã hội.
 - Soạn thảo văn bản với Microsoft Word: Định dạng văn bản, chèn bảng, hình ảnh, biểu đồ, tạo mục lục tự động, trộn thư.
 - Bảng tính với Microsoft Excel: Nhập liệu, định dạng bảng tính, sử dụng các hàm tính toán cơ bản, thống kê dữ liệu, vẽ biểu đồ.

- Thiết kế trình chiếu với Microsoft PowerPoint: Tạo bài thuyết trình chuyên nghiệp, sử dụng hiệu ứng, chèn đa phương tiện, thiết lập trình chiếu.
- + Kết quả dự kiến:
 - Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows và internet để phục vụ học tập và công việc.
 - Biết cách soạn thảo văn bản chuyên nghiệp, tạo báo cáo, hợp đồng với Microsoft Word.
 - Áp dụng các hàm tính toán, xử lý dữ liệu trên Microsoft Excel, hỗ trợ phân tích và quản lý thông tin.
 - Xây dựng bài trình chiếu hiệu quả với Microsoft PowerPoint, thuyết trình chuyên nghiệp.

[BA19010] Tin học ứng dụng trong kinh doanh (Applied Informatics in Business) ----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm tin học văn phòng, hỗ trợ việc quản lý và xử lý dữ liệu kinh doanh, áp dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh hiện đại.
- + Nội dung: Sinh viên học sử dụng Microsoft Word, PowerPoint và Excel soạn thảo văn bản, lập bảng tính và trình bày thông tin kinh doanh một cách chuyên nghiệp. Chi tiết các chương:
 - Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản bằng Microsoft Word;
 - Thiết kế và trình bày tài liệu trình chiếu với Microsoft PowerPoint;
 - Sử dụng Microsoft Excel để xử lý dữ liệu, lập bảng tính và phân tích số liệu;
 - Các công cụ phân tích dữ liệu nâng cao trong Excel;
 - Ứng dụng tin học trong quản lý kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Thành thạo kỹ năng sử dụng các công cụ Microsoft Office trong kinh doanh.
 - Biết cách xử lý và trình bày dữ liệu kinh doanh một cách chuyên nghiệp.
 - Áp dụng tin học phân tích tài chính, báo cáo và quản lý dữ liệu kinh doanh hiệu quả.

[BA19009] Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các công cụ thống kê cơ bản để phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. Môn học giúp sinh viên hiểu cách thu thập, xử lý và diễn giải dữ liệu để đánh giá rủi ro và lập kế hoạch kinh doanh hiệu quả; giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích, hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chiến lược kinh doanh dựa trên dữ liệu thực tế.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ học cách sử dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu thực tế trong kinh doanh, bao gồm:
 - Thống kê mô tả: Cách thu thập, tổ chức và trình bày dữ liệu.
 - Xác suất và phân phối xác suất: Các quy tắc tính xác suất, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất.
 - Lấy mẫu và ước lượng: Phương pháp lấy mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết.
 - Phân tích hồi quy: Mô hình hồi quy tuyến tính, mối quan hệ giữa các biến, dự báo xu hướng kinh doanh.
 - Ứng dụng phần mềm: Sử dụng Microsoft Excel để phân tích dữ liệu, vẽ đồ thị và thực hiện các phép tính thống kê.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các phương pháp thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh.
 - Biết tính toán xác suất, kiểm định giả thuyết và phân tích mối quan hệ giữa các biến.
 - Thành thạo sử dụng Microsoft Excel xử lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

[3] **Kiến thức giáo dục đại cương (General Education Knowledge), nhóm môn Khoa học xã hội (Group of Social Science Courses)**

[GS19007] Tiếng Anh 1 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương (Vietnam General Law) ----- 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)----- 3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist Philosophy) nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Marxist-Leninist Political Economy) ----- 2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism) ----- 2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism) nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam) ----- 3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam) là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam) và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)----- 2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[4] **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Professional Education Knowledge), nhóm môn cơ sở (Group of Fundamental Courses)**

[BA19001] Kinh tế vi mô (Microeconomics)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh tế vi mô, giúp họ hiểu cơ chế vận hành của thị trường, hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất, cũng như tác động của chính sách kinh tế đến doanh nghiệp.
- + Nội dung: Nghiên cứu nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, bao gồm cách thức thị trường vận hành và quyết định tối ưu trong kinh doanh. Sinh viên học phân tích tác động của cung cầu, giá cả và các chính sách điều tiết thị trường đến hoạt động kinh doanh. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Nhập môn Kinh tế vi mô
 - Chương 2: Cung, Cầu và giá cân bằng
 - Chương 3: Sự can thiệp của chính sách chính phủ
 - Chương 4: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng

- Chương 5: Lý thuyết về sự lựa chọn của người sản xuất
- Chương 6: Cấu trúc thị trường
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và giải thích các nguyên lý kinh tế vi mô.
 - Ứng dụng quy luật cung cầu để phân tích thị trường.
 - Đánh giá tác động của chính sách kinh tế đến doanh nghiệp và người tiêu dùng.

[BA19002] Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng về kinh tế vĩ mô, giúp họ hiểu được các yếu tố tác động đến nền kinh tế quốc gia và quốc tế, cũng như vai trò của các chính sách tài khóa và tiền tệ trong việc ổn định kinh tế.
- + Nội dung: Cung cấp khái niệm và công cụ phân tích kinh tế vĩ mô, giúp sinh viên đánh giá ảnh hưởng của chính sách kinh tế đối với doanh nghiệp và nền kinh tế tổng thể. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giới thiệu về kinh tế vĩ mô
 - Chương 2: Đo lường tổng sản phẩm quốc gia và thu nhập quốc gia
 - Chương 3: Tổng Cầu – Tổng Cung và Cân bằng vĩ mô
 - Chương 4: Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương
 - Chương 5: Hệ thống tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ
 - Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các yếu tố tác động đến nền kinh tế vĩ mô.
 - Ứng dụng mô hình kinh tế để đánh giá chính sách điều hành.
 - Đánh giá tác động chính sách tài khóa và tiền tệ đối với doanh nghiệp và nền kinh tế.

[BA39001] Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán, giúp họ hiểu về hệ thống kế toán doanh nghiệp và nguyên tắc kế toán tài chính.
- + Nội dung: Cung cấp các nguyên lý kế toán, bao gồm hệ thống tài khoản, báo cáo tài chính và quy trình ghi sổ kế toán. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về kế toán
 - Chương 2: Báo cáo tài chính
 - Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép
 - Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán chủ yếu
 - Chương 5: Chứng từ kế toán và kiểm kê
 - Chương 6: Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên tắc kế toán cơ bản.
 - Thực hiện ghi chép và lập báo cáo tài chính.
 - Ứng dụng kế toán vào quản lý doanh nghiệp.

[BA39002] Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ (Theory of Finance and Monetary)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ, giúp họ hiểu được vai trò của hệ thống tài chính, ngân hàng trung ương, lãi suất và chính sách tiền tệ.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng lý thuyết về tài chính - tiền tệ, giúp hiểu rõ cơ chế vận hành của thị trường tài chính và tác động của các chính sách tài chính. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Lý luận chung về tài chính
 - Chương 2: Ngân sách nhà nước
 - Chương 3: Tài chính doanh nghiệp
 - Chương 4: Ngân hàng thương mại

- Chương 5: Tín dụng và lãi suất
- Chương 6: Tiền tệ và lưu thông tiền tệ
- Chương 7: Thị trường tài chính
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên lý tài chính - tiền tệ và vai trò của ngân hàng trung ương.
 - Phân tích tác động của chính sách tiền tệ và tài khóa đối với nền kinh tế.
 - Vận dụng kiến thức tài chính vào thực tiễn kinh doanh và đầu tư.

[BA49001] Quản trị học (Theory of Management)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị tổ chức, giúp họ hiểu được vai trò của quản lý và các kỹ năng cần thiết để điều hành doanh nghiệp.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng về lý thuyết quản trị và thực hành các kỹ năng quản lý trong doanh nghiệp. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Nhập môn quản trị học
 - Chương 2: Sự phát triển của tư tưởng quản trị
 - Chương 3: Môi trường quản trị
 - Chương 4: Thông tin trong quản trị
 - Chương 5: Quyết định quản trị
 - Chương 6: Hoạch định
 - Chương 7: Tổ chức
 - Chương 8: Điều khiển
 - Chương 9: Kiểm tra
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được nguyên tắc và chức năng quản trị trong doanh nghiệp.
 - Áp dụng kiến thức quản trị vào thực tiễn công việc.
 - Phát triển tư duy lãnh đạo và khả năng ra quyết định.

[BA19004] Phương pháp định lượng trong kinh doanh (Quantitative Methods in Business) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng áp dụng phương pháp định lượng để phân tích và giải quyết vấn đề trong quản trị kinh doanh, tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp.
- + Nội dung: Hướng dẫn sinh viên sử dụng các mô hình toán học và công cụ định lượng trong kinh doanh. Nội dung chi tiết: Tổng quan về phương pháp định lượng trong kinh doanh; Lý thuyết ra quyết định và mô hình tối ưu hóa; Quy hoạch tuyến tính và ứng dụng trong quản lý doanh nghiệp; Phân tích rủi ro và mô hình mô phỏng; Ứng dụng phần mềm Microsoft Excel và QM for Windows trong phân tích định lượng.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giới thiệu về phương pháp định lượng
 - Chương 2: Cơ sở của lý thuyết ra quyết định
 - Chương 3: Cây quyết định và lý thuyết độ vị lợi
 - Chương 4: Mô hình quy hoạch tuyến tính
 - Chương 5: Ứng dụng quy hoạch tuyến tính
 - Chương 6: Các mô hình mạng
 - Chương 7: Ra quyết định đa mục tiêu
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và vận dụng các phương pháp định lượng vào phân tích kinh doanh.
 - Giải quyết bài toán tối ưu hóa trong quản lý tài nguyên.
 - Sử dụng các công cụ phần mềm hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

[BA29001] Marketing căn bản (Principles of Marketing)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của marketing hiện đại, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, các chiến lược và công cụ marketing để xây dựng kế hoạch marketing hiệu quả.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ nghiên cứu về các nguyên lý của marketing, phân tích hành vi khách hàng và cách lập chiến lược marketing. Nội dung cụ thể:
 - Giới thiệu tổng quan về Marketing: khái niệm, vai trò, triết lý quản trị marketing.
 - Môi trường marketing và hệ thống thông tin marketing.
 - Hành vi mua hàng của khách hàng cá nhân và tổ chức.
 - Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm.
 - Chiến lược sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.
 - Chiến lược giá cả và các phương pháp định giá.
 - Chiến lược kênh phân phối và tối ưu hóa hệ thống phân phối.
 - Chiến lược truyền thông marketing tích hợp và quảng cáo.
 - Quan hệ công chúng (PR), bán hàng cá nhân và marketing trực tiếp.
- + Các chương chi tiết:
 - Chương 1: Giới thiệu tổng quan về Marketing
 - Chương 2: Môi trường marketing và thông tin marketing
 - Chương 3: Hành vi mua hàng của khách hàng
 - Chương 4: Phân khúc thị trường và xác định thị trường mục tiêu
 - Chương 5: Chiến lược sản phẩm
 - Chương 6: Chiến lược giá
 - Chương 7: Chiến lược phân phối
 - Chương 8: Chiến lược truyền thông
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và giải thích được các khái niệm marketing cơ bản.
 - Phân tích hành vi tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng.
 - Ứng dụng chiến lược marketing mix (4P) vào thực tế.
 - Xây dựng kế hoạch marketing thực tế cho doanh nghiệp.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tư duy phản biện.

[BA09028] Kinh tế số (Digital Economy)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về nền kinh tế số, giúp sinh viên hiểu rõ sự chuyển đổi số trong kinh doanh và tác động của công nghệ đối với nền kinh tế.
- + Nội dung: Phân tích các khái niệm, mô hình và công cụ kinh tế số, cùng với ứng dụng của chúng trong kinh doanh và chính sách kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về kinh tế số và kinh doanh số
 - Chương 2: Thay đổi quản trị doanh nghiệp trong thời đại số
 - Chương 3: Nguồn nhân lực trong nền kinh tế số
 - Chương 4: Công nghệ và thị trường số trong nền kinh tế số
 - Chương 5: Nghiên cứu trường hợp (công ty Google và FPT)
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích sự chuyển đổi số trong nền kinh tế hiện đại.
 - Ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh và quản lý.
 - Đánh giá tác động của kinh tế số đối với doanh nghiệp và xã hội.

[BA49004] Luật kinh tế (Economic Law)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức pháp luật kinh doanh, giúp sinh viên hiểu rõ các quy định pháp lý trong hoạt động doanh nghiệp.

- + Nội dung: Nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến kinh doanh và doanh nghiệp. Nội dung cụ thể:
 - Tổng quan về luật kinh tế và hệ thống pháp luật kinh doanh;
 - Các loại hình doanh nghiệp và quy định pháp lý;
 - Hợp đồng kinh doanh và tranh chấp thương mại;
 - Giải thể, phá sản doanh nghiệp và các quy định liên quan;
 - Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp và nhà quản lý.
- + Các chương chi tiết:
 - Chương 1: Đại cương về Luật kinh tế
 - Chương 2: Khái niệm, phân loại DN
 - Chương 3: Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên
 - Chương 4: Công ty cổ phần
 - Chương 5: Công ty Hợp danh và DNTN
 - Chương 6: Hộ kinh doanh cá thể, Hợp tác xã
 - Chương 7: Pháp luật về phá sản Doanh nghiệp, Hợp tác xã
 - Chương 8: Pháp luật về hợp đồng
 - Chương 9: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng luật kinh tế vào hoạt động kinh doanh.
 - Nhận diện và xử lý các vấn đề pháp lý trong kinh doanh.
 - Tăng cường nhận thức pháp lý và tuân thủ luật doanh nghiệp.

[BA43018] Khởi nghiệp (Entrepreneurship)----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh. Sinh viên sẽ được học cách nhận diện cơ hội kinh doanh, xây dựng ý tưởng khởi nghiệp và thiết kế mô hình kinh doanh tinh gọn.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng về khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp mới, từ việc xác định ý tưởng kinh doanh đến triển khai thực tế. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh và vận dụng các kỹ năng mềm trong khởi nghiệp. Nội dung cụ thể:
 - Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp;
 - Kiến tạo giá trị và tư duy khởi nghiệp;
 - Đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh;
 - Nền kinh tế chia sẻ và cơ hội kinh doanh;
 - Lập kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp tinh gọn;
 - Khởi nghiệp (Entrepreneurship) xã hội và doanh nghiệp bền vững.
- + Các chương chi tiết:
 - Chương 1: Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp
 - Chương 2: Kiến tạo giá trị
 - Chương 3: Đổi mới sáng tạo
 - Chương 4: Nền kinh tế chia sẻ
 - Chương 5: Mô hình kinh doanh
 - Chương 6: Khởi nghiệp xã hội
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các yếu tố quan trọng trong khởi nghiệp, từ ý tưởng đến thực thi.
 - Phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh.
 - Ứng dụng các công cụ và mô hình kinh doanh vào thực tiễn khởi nghiệp.

[BA49015] Đạo đức và văn hóa kinh doanh (Business Ethics and Culture)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, giúp họ hiểu và áp dụng nguyên tắc đạo đức trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
- + Nội dung: Tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và tác động của văn hóa doanh nghiệp đến hiệu suất kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách ra quyết định đạo đức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và phát triển chiến lược kinh doanh bền vững. Nội dung cụ thể:
 - Khái niệm đạo đức và đạo đức kinh doanh;
 - Quy trình ra quyết định đạo đức trong kinh doanh;
 - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và phát triển bền vững;
 - Văn hóa doanh nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng;
 - Tác động của văn hóa doanh nghiệp đến chiến lược kinh doanh;
 - Ứng xử văn hóa trong kinh doanh và đàm phán thương mại.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Đạo đức kinh doanh
 - Chương 2: Xây dựng đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu
 - Chương 3: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
 - Chương 4: Văn hóa doanh nghiệp
 - Chương 5: Các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp
 - Chương 6: Văn hóa ứng xử trong kinh doanh
 - Chương 7: Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.
 - Ứng dụng kiến thức vào việc ra quyết định (đạo đức) và xây dựng chiến lược phát triển bền vững.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện trong môi trường kinh doanh quốc tế.

[BA39025] Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng (English for Finance and Banking)---- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ vựng, thuật ngữ và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Môn học giúp sinh viên hiểu và ứng dụng tiếng Anh vào các bối cảnh tài chính chuyên nghiệp, nâng cao khả năng đọc, viết và giao tiếp hiệu quả trong môi trường tài chính toàn cầu.
- + Nội dung: Môn học tập trung vào từ vựng chuyên ngành, ngữ pháp và các ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề quan trọng của ngành. Nội dung cụ thể:
 - Giới thiệu thuật ngữ tài chính và ngân hàng
 - Soạn thảo văn bản kinh doanh và tài chính
 - Dịch vụ ngân hàng và giao dịch tài chính
 - Ngôn ngữ quản lý rủi ro và đầu tư
 - Kỹ năng đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh
 - Trình bày và thảo luận về báo cáo tài chính
- + Các bài học chi tiết:
 - Unit 7: Banking
 - Unit 8: Stock markets
 - Unit 9: Company internal finance
 - Unit 10: Company reporting
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và sử dụng chính xác từ vựng chuyên ngành tài chính – ngân hàng.

- Soạn thảo và phân tích các văn bản tài chính thông dụng.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp trong đàm phán, thuyết trình và tương tác với khách hàng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- Cải thiện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường kinh doanh quốc tế.

[5] Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Professional Education Knowledge), nhóm môn chuyên ngành (Group of Major Courses)

[BA39004] Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về các phần hành kế toán tài chính liên quan đến hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền lương và chi phí sản xuất.
- + Nội dung: Sinh viên học cách thu thập, xử lý, phân tích và ghi nhận các nghiệp vụ kế toán phát sinh, từ đó cung cấp thông tin chính xác cho nhà quản lý và các bên liên quan.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp
 - Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
 - Chương 4: Kế toán tài sản cố định
 - Chương 5: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- + Kết quả dự kiến:
 - Giải thích kiến thức kế toán trong các phần hành hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền lương;
 - Hiểu phương pháp kế toán và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính;
 - Tổng hợp thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

[BA39008] Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về kế toán thành phẩm, kế toán các khoản đầu tư, công nợ, chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- + Nội dung: Sinh viên học cách hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiêu thụ thành phẩm, đầu tư tài chính, nợ phải thu, nợ phải trả, nhằm cung cấp thông tin chính xác cho quản lý tài chính doanh nghiệp.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm
 - Chương 2: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán
 - Chương 3: Kế toán hoạt động tài chính và khác
 - Chương 4: Kế toán xác định kết quả kinh doanh
 - Chương 5: Kế toán vốn chủ sở hữu và phân phối kết quả kinh doanh
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu quy trình tiêu thụ thành phẩm và kế toán hoạt động đầu tư;
 - Áp dụng kiến thức kế toán để phân loại tài sản, nguồn vốn;
 - Phân tích doanh thu, chi phí để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

[BA39026] Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Tài chính doanh nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, giúp hiểu rõ các quyết định tài chính quan trọng trong doanh nghiệp. Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm về thời giá tiền tệ, định giá trái phiếu, định giá cổ phiếu, mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, cũng như các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng tính toán, phân tích tài chính, ra quyết định đầu tư và quản trị nguồn vốn doanh nghiệp. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, tinh thần làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan tài chính doanh nghiệp, thời giá tiền tệ, định giá các công cụ tài chính (trái phiếu, cổ phiếu), lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư. Sinh viên sẽ được hướng dẫn các kỹ thuật tính toán và phân tích tài chính bằng các công cụ như Excel, giúp nâng cao khả năng ứng dụng thực tế trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp
 - Chương 2: Thời giá tiền tệ
 - Chương 3: Định giá trái phiếu
 - Chương 4: Định giá cổ phiếu
 - Chương 5: Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư
 - Chương 6: Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư
 - Chương 7: Chi phí sử dụng vốn
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ các nguyên tắc tài chính doanh nghiệp và cách thức ra quyết định tài chính.
 - Áp dụng phương pháp tính toán để định giá trái phiếu, cổ phiếu, đánh giá hiệu quả đầu tư.
 - Phân tích mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.
 - Sử dụng công cụ tài chính và phần mềm hỗ trợ (Excel) tính toán và lập kế hoạch tài chính.
 - Phát triển tư duy phân biện, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề tài chính.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và chấp hành các quy định pháp lý trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

[BA39028] Kế toán quản trị (Management Accounting)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến cách truyền đạt thông tin tài chính và phi tài chính trong nội bộ doanh nghiệp, giúp nhà quản lý hoạch định và kiểm soát hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.
- + Nội dung: Cung cấp các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm hỗ trợ nhà quản lý đưa ra quyết định kinh doanh, bao gồm phân tích chi phí – lợi nhuận, lập dự toán, đánh giá trách nhiệm quản lý, và thông tin phục vụ quyết định ngắn hạn, dài hạn.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán quản trị
 - Chương 2: Phân loại chi phí
 - Chương 3: Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận
 - Chương 4: Dự toán ngân sách hoạt động hàng năm
 - Chương 5: Kế toán trách nhiệm quản lý
 - Chương 6: Định giá sản phẩm
 - Chương 7: Thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu mục tiêu của kế toán quản trị;
 - Nhận diện và kiểm soát chi phí;
 - Lập báo cáo kế toán quản trị;
 - Lập dự toán ngân sách và định giá sản phẩm;
 - Sử dụng thông tin để ra quyết định quản trị.

[BA39027] Thuế (Taxation)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Thuế giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan và hệ thống về hệ thống thuế Việt Nam trong nền kinh tế thị trường. Sinh viên hiểu rõ sự phát triển của hệ thống thuế qua các giai đoạn, nắm bắt được nội dung cơ bản của các sắc thuế quan trọng như Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Thuế Tiêu thụ đặc biệt, Thuế Bảo vệ môi trường, Thuế Giá trị gia tăng, Thuế

Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân và các loại thuế liên quan đến đất đai, tài nguyên thiên nhiên. Ngoài việc hiểu chính sách thuế, sinh viên được trang bị kỹ năng tính toán và kê khai thuế theo quy định pháp luật, cũng như vận dụng các nguyên lý kinh tế học và kế toán để phân tích ảnh hưởng của thuế đối với nền kinh tế và hoạt động tài chính doanh nghiệp.

- + Nội dung môn học: Môn học Thuế tập trung vào việc cung cấp kiến thức về hệ thống thuế Việt Nam, bao gồm các quy định pháp lý và cách thức vận hành của từng sắc thuế trong nền kinh tế. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về bản chất của thuế, mục tiêu thu thuế và vai trò của thuế trong việc điều tiết nền kinh tế, phân bổ nguồn lực và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Nội dung môn học cũng bao gồm cách tính toán, kê khai và nộp thuế cho cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức, đồng thời phân tích các chính sách thuế nhằm đánh giá tác động của chúng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tiếp cận các tình huống thực tế để áp dụng kiến thức vào thực tiễn, hỗ trợ việc ra quyết định tài chính và quản lý thuế một cách hiệu quả.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về thuế và hệ thống thuế Việt Nam.
 - Chương 2: Thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu
 - Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường
 - Chương 4: Thuế giá trị gia tăng
 - Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân
- + Kết quả dự kiến:
 - Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể
 - Hiểu rõ các loại thuế trong hệ thống thuế Việt Nam và vai trò của từng sắc thuế.
 - Áp dụng kiến thức thuế vào thực tiễn, biết cách tính toán và kê khai thuế cho cá nhân và doanh nghiệp.
 - Vận dụng các nguyên lý của kinh tế học và kế toán để phân tích ảnh hưởng của thuế đối với nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp.
 - Rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và tự học để giải quyết các tình huống thuế thực tế.

[BA39006] Thị trường chứng khoán (Stock Market)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Thị trường chứng khoán giúp sinh viên hiểu rõ về cấu trúc, chức năng và cơ chế vận hành của thị trường chứng khoán, từ đó có thể áp dụng kiến thức vào thực tế đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Sinh viên sẽ được trang bị nền tảng kiến thức về các loại chứng khoán, phương thức giao dịch, các quy định pháp lý liên quan cũng như vai trò của các tổ chức trung gian như công ty chứng khoán và quỹ đầu tư. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các phương pháp phân tích tài chính, giúp sinh viên đánh giá giá trị của chứng khoán và ra quyết định đầu tư hiệu quả.
- + Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán, bao gồm các khái niệm cơ bản, cấu trúc thị trường và các thành phần tham gia. Sinh viên sẽ tìm hiểu về đặc điểm của từng loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh cũng như các phương thức và điều kiện phát hành chứng khoán. Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến các nguyên tắc và quy định giao dịch, hoạt động của sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, cơ chế hoạt động của các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư. Một phần quan trọng của môn học là cung cấp cho sinh viên các công cụ phân tích thị trường, bao gồm phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, nhằm hỗ trợ việc ra quyết định đầu tư hiệu quả.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán
 - Chương 2: Chứng khoán

- Chương 3: Thị trường chứng khoán sơ cấp và việc phát hành chứng khoán công ty
- Chương 4: Thị trường thứ cấp
- Chương 5: Công ty cổ phần, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư
- Chương 6: Phân tích và đầu tư chứng khoán
- + Kết quả dự kiến:
 - Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ cấu trúc, vai trò và nguyên tắc vận hành của thị trường chứng khoán.
 - Nhận diện và phân biệt các loại chứng khoán, đồng thời nắm vững các quy định về giao dịch chứng khoán.
 - Áp dụng các phương pháp phân tích để đánh giá và định giá chứng khoán.
 - Xây dựng chiến lược đầu tư chứng khoán phù hợp với điều kiện thị trường.
 - Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và tự nghiên cứu để nâng cao khả năng phân tích và ra quyết định tài chính.

[BA33159] Thị trường tài chính phái sinh (Derivative Financial Markets) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu về các sản phẩm tài chính phái sinh và cách sử dụng chúng để quản lý rủi ro trong đầu tư và kinh doanh.
- + Nội dung: Môn học tập trung vào cơ chế vận hành thị trường phái sinh, các sản phẩm chính như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Khái quát về thị trường tài chính phái
 - Chương 2: Cơ chế vận hành thị trường hợp đồng giao sau
 - Chương 3: Các chiến lược phòng ngừa sử dụng hợp đồng giao sau
 - Chương 4: Lãi suất
 - Chương 5: Xác định giá hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng giao sau
 - Chương 6: Cơ chế thị trường quyền chọn
 - Chương 7: Đặc điểm quyền chọn cổ phiếu
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu các sản phẩm tài chính phái sinh;
 - Phân tích và sử dụng hợp đồng phái sinh để phòng ngừa rủi ro;
 - Định giá hợp đồng tài chính phái sinh;
 - Vận dụng công cụ phái sinh trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

[BA39012] Ngân hàng thương mại (Commercial Banking) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động ngân hàng thương mại, bao gồm nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng và các dịch vụ tài chính khác.
- + Nội dung: Cung cấp kiến thức và kỹ năng vận dụng trong thực tế để sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giới thiệu tổng quan về hoạt động của ngân hàng thương mại
 - Chương 2: Nghiệp vụ huy động vốn
 - Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng
 - Chương 4: Nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân
 - Chương 5: Nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp.
 - Chương 6: Nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán
 - Chương 7: Nghiệp vụ cho thuê tài chính và bảo lãnh
- + Kết quả dự kiến:
 - Giải thích hoạt động của ngân hàng thương mại.
 - Phân tích và xử lý các tình huống nghiệp vụ ngân hàng.

- Sử dụng công nghệ thông tin trong ngân hàng.
- Tính toán và phân tích dữ liệu ngân hàng.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong ngành ngân hàng.

[BA39013] Thanh toán quốc tế (International Payments) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về các phương thức thanh toán quốc tế, giúp sinh viên hiểu và áp dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế.
- + Nội dung: Học phần tập trung vào các phương tiện, phương thức thanh toán, rủi ro và các quy định pháp lý trong thanh toán quốc tế.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế
 - Chương 2: Hối đoái
 - Chương 3: Các phương tiện thanh toán quốc tế
 - Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế
 - Chương 5: Các vấn đề cơ bản liên quan đến tín dụng thương mại quốc tế
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ về các vấn đề liên quan đến thanh toán quốc tế.
 - Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.
 - Đảm bảo an toàn và hiệu quả trong thanh toán.
 - Ứng dụng các hình thức tín dụng quốc tế trong kinh doanh.

[BA49003] Đàm phán và giao tiếp kinh doanh (Negotiation and Business Communication)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực tiễn về giao tiếp và đàm phán trong môi trường kinh doanh. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các nguyên tắc giao tiếp, các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp hiệu quả, cũng như cách thức lập kế hoạch và thực hiện giao tiếp trong môi trường kinh doanh chuyên nghiệp. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên tiếp cận các mô hình đàm phán, các kỹ thuật và chiến lược đàm phán khác nhau, từ đó có thể áp dụng vào các tình huống kinh doanh thực tế. Đặc biệt, sinh viên sẽ được nghiên cứu về tác động của văn hóa doanh nghiệp, văn hóa quốc gia và đặc điểm cá nhân đến quá trình đàm phán, giúp nâng cao khả năng thương lượng và ra quyết định trong môi trường kinh doanh quốc tế.
- + Nội dung môn học: Môn học tập trung vào hai lĩnh vực chính: giao tiếp trong kinh doanh và đàm phán trong kinh doanh.
 - Phần đầu của môn học giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của giao tiếp trong doanh nghiệp, từ giao tiếp bằng lời nói, giao tiếp phi ngôn ngữ đến giao tiếp qua văn bản, email và các phương tiện truyền thông khác. Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng viết, lắng nghe, nói và thuyết trình để nâng cao khả năng truyền tải thông tin hiệu quả.
 - Phần thứ hai của môn học đi sâu vào các mô hình và kỹ thuật đàm phán, giúp sinh viên hiểu về quy trình đàm phán, các chiến thuật thương lượng và cách giải quyết xung đột trong kinh doanh. Sinh viên cũng sẽ phân tích tác động của các yếu tố như văn hóa dân tộc, văn hóa doanh nghiệp và tính cách cá nhân đối với quá trình đàm phán, từ đó phát triển các kỹ năng đàm phán phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giao tiếp trong môi trường kinh doanh
 - Chương 2: Kỹ năng viết
 - Chương 3: Kỹ năng lắng nghe
 - Chương 4: Kỹ năng nói và thuyết trình
 - Chương 5: Giao tiếp phi ngôn ngữ
 - Chương 6: Giới thiệu chung về đàm phán

- Chương 7: Các mô hình đàm phán trong kinh doanh
- Chương 8: Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân đến các mối quan hệ trong kinh doanh quốc tế
- + Kết quả dự kiến
 - Hiểu rõ các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, bao gồm giao tiếp bằng lời nói, phi ngôn ngữ và văn bản.
 - Ứng dụng hiệu quả kỹ năng lắng nghe, viết, thuyết trình trong môi trường doanh nghiệp.
 - Nắm vững các mô hình và kỹ thuật đàm phán, có khả năng áp dụng chúng vào thực tiễn.
 - Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến đàm phán, đặc biệt trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.
 - Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng giải quyết xung đột trong các tình huống kinh doanh thực tế.

[BA39010] Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Investment Project Appraisal and Evaluation) --- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Giúp sinh viên hiểu quy trình thiết lập và đánh giá một dự án đầu tư để đảm bảo tính khả thi về tài chính, kinh tế và kỹ thuật.
- + Nội dung: Cung cấp các phương pháp thẩm định dự án đầu tư, từ nghiên cứu thị trường đến đánh giá hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về thiết lập và thẩm định dự án đầu tư
 - Chương 2: Nội dung nghiên cứu thị trường
 - Chương 3: Xác định công suất, công nghệ, nguyên vật liệu, địa điểm xây dựng
 - Chương 4: Tổ chức bộ máy nhân sự và tiền lương
 - Chương 5: Các thông số cơ bản dự án và công cụ
 - Chương 6: Suất chiết khấu
 - Chương 7: Tác động lạm phát đến ngân lưu
 - Chương 8: Phân tích độ nhạy
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu quy trình lập và thẩm định dự án đầu tư;
 - Phân tích các yếu tố đầu vào của dự án;
 - Vận dụng kỹ thuật chiết khấu dòng tiền để đánh giá dự án;
 - Quản trị rủi ro tài chính trong thẩm định dự án.

[BA39029] Môn học tự chọn 1_TCNH (Elective Course 1 - Finance and Banking) ----- 2[1.1.4]

- + [BA39037] Bảo hiểm (Insurance) ----- 2[1.1.4]
- + [BA39038] Ngân hàng trung ương (Central Banking) ----- 2[1.1.4]
- + [BA39039] Tài chính công (Public Finance) ----- 2[1.1.4]

[BA39030] Môn học tự chọn 2_TCNH (Elective Course 2 - Finance and Banking) ----- 2[1.1.4]

- + [BA39040] Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio Management)----- 2[1.1.4]
- + [BA39041] Quản lý tài chính cá nhân (Personal Financial Management) ----- 2[1.1.4]
- + [BA39042] Tài chính hành vi (Behavioral Finance)----- 2[1.1.4]

[BA39031] Môn học tự chọn 3_TCNH (Elective Course 3 - Finance and Banking) ----- 2[1.1.4]

- + [BA39043] Chiến lược chuyển đổi số (Digital Transformation Strategy)----- 2[1.1.4]
- + [BA39044] Công nghệ tài chính (Financial Technology (FinTech))----- 2[1.1.4]
- + [BA39045] Ngân hàng số (Digital Banking)----- 2[1.1.4]

[6] **Nhóm môn chuyên ngành (Group of Major Courses) Ngân hàng**

[BA39032] Định giá tài sản (Asset Valuation) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Định giá tài sản trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và thực tiễn về định giá tài sản, bao gồm bất động sản và máy thiết bị. Sinh viên sẽ hiểu rõ các nguyên tắc pháp lý, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, cơ sở giá trị và phạm vi công việc của lĩnh vực định giá tài sản. Ngoài ra, môn học cung cấp các phương pháp định giá phổ biến như phương pháp so sánh, phương pháp chi phí, phương pháp dòng tiền chiết khấu, phương pháp vốn hóa trực tiếp và phương pháp thặng dư. Sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn cách lập báo cáo định giá tài sản và chứng thư định giá, qua đó có thể vận dụng vào thực tế để đánh giá giá trị tài sản phục vụ mục đích vay vốn ngân hàng, đầu tư hoặc mua bán tài sản.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan định giá tài sản, các phương pháp tiếp cận định giá và quy trình thực hiện định giá bất động sản và máy thiết bị. Sinh viên sẽ tìm hiểu về bản chất và đặc điểm của tài sản, thị trường bất động sản và máy thiết bị, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của tài sản. Các phương pháp định giá sẽ được giảng dạy theo hướng ứng dụng thực tế, kết hợp với việc sử dụng công nghệ như Excel để tính toán và lập báo cáo định giá. Bên cạnh đó, môn học còn nhấn mạnh đến đạo đức nghề nghiệp và các quy tắc hành nghề trong lĩnh vực định giá, đảm bảo sinh viên có thể thực hiện công việc định giá một cách chuyên nghiệp và có trách nhiệm.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về định giá tài sản
 - Chương 2: Định giá bất động sản
 - Chương 3: Định giá máy thiết bị
 - Chương 4: Báo cáo định giá tài sản
 - Chương 5: Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ khái niệm, nguyên tắc và quy trình định giá tài sản, bao gồm bất động sản và máy thiết bị.
 - Áp dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng loại tài sản và mục đích định giá.
 - Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích thị trường và xác định giá trị tài sản theo các phương pháp khác nhau.
 - Biết cách lập báo cáo và chứng thư định giá tài sản theo tiêu chuẩn nghề nghiệp.
 - Phát triển tư duy phân tích, khả năng làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực định giá tài sản.
 - Nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý trong quá trình định giá.

[BA39033] Kế toán ngân hàng thương mại (Bank Accounting) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Kế toán ngân hàng thương mại cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hệ thống kế toán trong ngân hàng thương mại. Sinh viên sẽ hiểu rõ nguyên tắc, quy trình và phương pháp kế toán đối với các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán, kế toán tài sản cố định và công cụ dụng cụ, cũng như kế toán thu nhập - chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Ngoài ra, môn học trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, xử lý tình huống thực tế, lập báo cáo tài chính và vận dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán ngân hàng. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy logic, kỹ năng thu thập dữ liệu, làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan kế toán ngân hàng, kế toán các nghiệp vụ cơ bản như huy động vốn, tín dụng, thanh toán, cũng như kế toán tài sản cố định, thu nhập - chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sinh viên sẽ tìm hiểu về hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng, cách định khoản, phân loại chứng từ, kiểm soát chứng từ và tổ chức kế toán trong ngân hàng thương mại. Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng

công cụ Excel để tính toán và lập báo cáo kế toán. Đồng thời, môn học nhấn mạnh đến yêu cầu tuân thủ các quy định pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về kế toán ngân hàng
 - Chương 2: Kế toán nghiệp vụ huy động vốn
 - Chương 3: Kế toán nghiệp vụ tín dụng
 - Chương 4: Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng thương mại
 - Chương 5: Kế toán tài sản cố định và công cụ dụng cụ
 - Chương 6: Kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ hệ thống kế toán ngân hàng, nguyên tắc kế toán và quy trình ghi nhận các nghiệp vụ kế toán.
 - Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán và quản lý tài sản cố định.
 - Thành thạo kỹ năng phân tích số liệu, lập báo cáo tài chính và sử dụng công nghệ hỗ trợ trong kế toán ngân hàng.
 - Biết cách kiểm soát chứng từ kế toán, đánh giá rủi ro và thực hiện kế toán ngân hàng một cách chuyên nghiệp.
 - Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng ra quyết định dựa trên số liệu kế toán.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, nắm vững quy định pháp lý liên quan kế toán ngân hàng.

[BA39034] Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp (Financial Statement Analysis) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu rõ nội dung, quy trình phân tích, các công cụ và kỹ thuật đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên có khả năng lập dự báo báo cáo tài chính trong tương lai để hỗ trợ việc ra quyết định của nhà quản lý, nhà đầu tư và các bên liên quan. Sinh viên cũng được phát triển kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu tài chính và sử dụng công cụ công nghệ thông tin trong phân tích tài chính, đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan báo cáo tài chính, phương pháp phân tích và dự báo tình hình tài chính doanh nghiệp. Sinh viên sẽ tìm hiểu các công cụ và kỹ thuật phân tích bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các tỷ số tài chính và phương trình DuPont. Đồng thời, môn học hướng dẫn các phương pháp dự báo tài chính và lập kế hoạch tài chính dựa trên dữ liệu doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được thực hành trên Excel để tính toán và phân tích số liệu thực tế, giúp nâng cao kỹ năng ứng dụng trong môi trường doanh nghiệp.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về báo cáo tài chính
 - Chương 2: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính
 - Chương 3: Phân tích báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ)
 - Chương 4: Phân tích các tỷ số tài chính và phương trình DuPont
 - Chương 5: Dự báo báo cáo tài chính
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ bản chất, mục đích và phương pháp phân tích báo cáo tài chính.
 - Vận dụng các kỹ thuật phân tích để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.
 - Thành thạo phương pháp tính toán, sử dụng công cụ Excel để phân tích báo cáo tài chính.

- Biết cách lập dự báo báo cáo tài chính, nhận định và đề xuất phù hợp cho doanh nghiệp.
- Phát triển tư duy logic, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, quy định pháp lý trong phân tích tài chính doanh nghiệp.

[BA39035] Quản trị ngân hàng thương mại (Bank Management)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Quản trị ngân hàng thương mại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản trị trong ngân hàng thương mại. Sinh viên sẽ hiểu rõ các nguyên tắc, cơ chế vận hành và cách thức quản trị các nguồn lực trong ngân hàng, bao gồm quản trị tài sản nợ, tài sản có, vốn tự có, rủi ro và kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, tính toán và đánh giá các vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng thương mại, từ đó đưa ra đề xuất phù hợp cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định. Môn học cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan quản trị ngân hàng thương mại, quản trị vốn tự có, tài sản nợ, tài sản có, kết quả tài chính và quản trị rủi ro trong ngân hàng. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các công cụ và phương pháp phân tích để đánh giá hoạt động quản trị ngân hàng, bao gồm các chỉ số an toàn vốn, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và khả năng sinh lời của ngân hàng. Ngoài ra, môn học kết hợp thực hành trên Excel để tính toán và phân tích số liệu thực tế, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng ứng dụng trong công tác quản trị ngân hàng.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giới thiệu tổng quan về quản trị ngân hàng thương mại
 - Chương 2: Quản trị vốn tự có
 - Chương 3: Quản trị tài sản nợ
 - Chương 4: Quản trị tài sản có
 - Chương 5: Quản trị kết quả tài chính trong ngân hàng
 - Chương 6: Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ bản chất, vai trò và các nguyên tắc quản trị trong ngân hàng thương mại.
 - Vận dụng các phương pháp tính toán và phân tích để đánh giá tình hình tài chính và rủi ro trong ngân hàng.
 - Thành thạo kỹ năng sử dụng công cụ Excel để phân tích dữ liệu ngân hàng.
 - Biết cách tổng hợp thông tin, lập báo cáo và đưa ra các đề xuất quản trị phù hợp với tình hình thực tế.
 - Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế.
 - Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định pháp lý và thực hành chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng thương mại.

[BA39036] Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Thẩm định tín dụng cung cấp cho sinh viên những kiến thức quan trọng về quy trình thẩm định tín dụng trong ngân hàng thương mại. Sinh viên sẽ nắm vững các nội dung thẩm định về năng lực pháp lý, năng lực tài chính, phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư và tài sản đảm bảo của khách hàng. Môn học giúp sinh viên vận dụng các phương pháp phân tích để đánh giá tính xác thực, rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó đưa ra quyết định cấp tín dụng phù hợp. Ngoài ra, môn học rèn luyện kỹ năng thu thập và xử lý thông tin tài chính, lập tờ trình thẩm định tín dụng, sử dụng công cụ công nghệ thông tin như Excel và Word để hỗ trợ công việc. Sinh viên cũng được định hướng về đạo đức nghề nghiệp và tính kỷ luật trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng.

- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan thẩm định tín dụng, các bước đánh giá hồ sơ khách hàng, phân tích tài chính, đánh giá rủi ro tín dụng và lập tờ trình thẩm định tín dụng. Sinh viên sẽ được học cách thẩm định khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đánh giá tài sản đảm bảo, sử dụng các công cụ phân tích tài chính và rủi ro trong hoạt động tín dụng. Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tế tại ngân hàng thương mại.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về thẩm định tín dụng
 - Chương 2: Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng
 - Chương 3: Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng
 - Chương 4: Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư
 - Chương 5: Thẩm định tài sản đảm bảo
 - Chương 6: Lập tờ trình thẩm định tín dụng
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ quy trình thẩm định tín dụng và các nội dung liên quan đến khách hàng cá nhân, doanh nghiệp.
 - Vận dụng các phương pháp phân tích để đánh giá năng lực tài chính, rủi ro tín dụng và tài sản đảm bảo của khách hàng.
 - Thành thạo kỹ năng sử dụng công cụ Excel để phân tích tài chính và lập báo cáo thẩm định tín dụng.
 - Biết cách lập tờ trình thẩm định tín dụng và đưa ra đề xuất hợp lý cho nhà quản lý.
 - Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết tình huống thực tế trong thẩm định tín dụng.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng kỷ luật và cập nhật các văn bản pháp lý liên quan đến tín dụng ngân hàng.

[7] **Nhóm môn chuyên ngành (Group of Major Courses) Tài chính doanh nghiệp**

[BA39046] Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Tài chính doanh nghiệp 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về tài chính doanh nghiệp, giúp sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên tắc tài chính để phân tích, quản trị và ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp. Sinh viên sẽ nắm vững các nội dung về báo cáo tài chính, phân tích và dự báo tài chính, quản trị tài sản lưu động, cấu trúc vốn, hệ thống đòn bẩy và chính sách cổ tức. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa cấu trúc tài chính và đưa ra quyết định tài chính phù hợp với từng giai đoạn của doanh nghiệp. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về báo cáo tài chính và phương pháp phân tích, dự báo tài chính doanh nghiệp, quản trị tài sản lưu động, tối ưu hóa cấu trúc vốn, đòn bẩy tài chính và chính sách cổ tức. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng các công cụ tính toán, phân tích dữ liệu tài chính trên Excel để hỗ trợ việc ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về báo cáo tài chính
 - Chương 2: Phân tích báo cáo tài chính
 - Chương 3: Dự báo báo cáo tài chính
 - Chương 4: Cơ cấu vốn và hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp
 - Chương 5: Quản trị tài sản lưu động
 - Chương 6: Chính sách cổ tức

- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và giải thích các nguyên tắc về báo cáo tài chính, quản trị vốn và ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp.
 - Phân tích báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính và dự báo tài chính doanh nghiệp.
 - Ứng dụng phương pháp quản trị tài sản lưu động; đòn bẩy tài chính; tối ưu hóa cấu trúc vốn.
 - Tính toán và đánh giá các chỉ tiêu tài chính liên quan đến hệ thống đòn bẩy, tài sản lưu động và chính sách cổ tức.
 - Sử dụng công cụ Excel để phân tích tài chính và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp.
 - Phát triển tư duy logic, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành các quy định pháp lý trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

[BA33019] Đầu tư tài chính (Financial Investment)----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Đầu tư tài chính trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, các công cụ đầu tư, mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận, cũng như các mô hình phân tích đầu tư hiện đại. Sinh viên sẽ hiểu được nguyên tắc xây dựng danh mục đầu tư tối ưu, cách đánh giá hiệu quả đầu tư tài sản tài chính, cũng như áp dụng các mô hình định giá tài sản tài chính như CAPM, mô hình đa nhân tố và lý thuyết chênh lệch giá (APT). Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu tài chính và sử dụng công cụ phần mềm như Excel, Crystal Ball để thực hiện các phân tích đầu tư. Sinh viên được rèn luyện tư duy phản biện, khả năng đánh giá thị trường tài chính và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong đầu tư tài chính.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về các loại tài sản tài chính, rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu, thị trường tài chính hiệu quả, mô hình định giá tài sản, và chiến lược đầu tư. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng các công cụ tính toán và mô phỏng dữ liệu tài chính để ra quyết định đầu tư hiệu quả.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về đầu tư tài chính
 - Chương 2: Rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư
 - Chương 3: Lý thuyết thị trường tài chính hiệu quả
 - Chương 4: Mô hình chỉ số đơn và ứng dụng
 - Chương 5: Mô hình CAPM và ứng dụng
 - Chương 6: Lý thuyết chênh lệch giá (APT) và mô hình đa nhân tố
 - Chương 7: Định giá tài sản tài chính và quyết định thuê tài chính
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của đầu tư tài chính và mối quan hệ giữa rủi ro - lợi nhuận.
 - Áp dụng mô hình phân tích danh mục đầu tư: CAPM, mô hình đa nhân tố, lý thuyết APT.
 - Đánh giá hiệu quả đầu tư tài sản tài chính, phân tích thị trường, nhận diện cơ hội đầu tư.
 - Sử dụng công cụ phân tích tài chính như Excel, Crystal Ball để thực hiện các mô phỏng và đánh giá danh mục đầu tư.
 - Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng ra quyết định tài chính dựa trên dữ liệu thực tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành quy định pháp lý trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

[BA39047] Thực hành Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance Practice)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Thực hành tài chính doanh nghiệp giúp sinh viên củng cố và vận dụng các kiến thức đã học trong Tài chính doanh nghiệp 1 và Nguyên lý kế toán vào thực tế. Sinh viên sẽ sử dụng phần mềm Excel để thực hành các bài toán tài chính quan trọng trong doanh nghiệp

nếu tính toán lãi suất, giá trị thời gian của tiền, phân tích dự án đầu tư (NPV, IRR), quản trị tiền mặt, quản trị khoản phải thu, hàng tồn kho và cơ cấu nguồn vốn. Môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu tài chính và trình bày kết quả phân tích một cách chuyên nghiệp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện tác phong làm việc khoa học, có trách nhiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

- + Nội dung môn học: Môn học tập trung vào thực hành các kỹ thuật tài chính doanh nghiệp trên Excel, bao gồm lập lịch trả nợ, tính toán giá trị tài sản, phân tích dòng tiền dự án, theo dõi khấu hao tài sản cố định, quản trị tiền mặt, nợ phải thu, hàng tồn kho và tối ưu hóa cơ cấu tài chính. Sinh viên sẽ thực hiện các bài tập thực tế và bài kiểm tra trên phần mềm để đảm bảo khả năng áp dụng thành thạo vào công việc thực tế.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tính lãi suất và giá trị thời gian của tiền
 - Chương 2: Quản lý tài sản cố định và hiệu quả sử dụng tài sản
 - Chương 3: Quản trị tiền mặt trong doanh nghiệp
 - Chương 4: Quản trị khoản phải thu và chính sách tín dụng
 - Chương 5: Quản trị hàng tồn kho và tối ưu hóa chi phí tồn trữ
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Vận dụng các công thức tài chính để phân tích, tính toán và đưa ra quyết định tài chính.
 - Sử dụng thành thạo phần mềm Excel để thực hiện phép tính tài chính trong doanh nghiệp.
 - Lập kế hoạch tài chính, quản trị dòng tiền, quản trị tài sản, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.
 - Phân tích, tối ưu hóa yếu tố tài chính quan trọng như tiền mặt, nợ phải thu và hàng tồn kho.
 - Phát triển tư duy phân tích, làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề tài chính thực tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành quy định pháp lý, chuẩn mực tài chính doanh nghiệp.

[BA39048] Định giá doanh nghiệp (Business Valuation) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Định giá doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về định giá doanh nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ các phương pháp định giá và cách ứng dụng vào thực tế. Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm về doanh nghiệp, giá trị doanh nghiệp, cơ sở pháp lý và quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong định giá. Ngoài ra, môn học hướng dẫn các phương pháp định giá phổ biến như phương pháp tài sản, phương pháp thu nhập (chiết khấu dòng tiền tự do), phương pháp tỷ số bình quân và phương pháp giá giao dịch. Sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn cách lập báo cáo định giá doanh nghiệp và thực hành sử dụng công cụ công nghệ như Excel, Word và PowerPoint để tính toán và trình bày kết quả định giá.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan định giá doanh nghiệp, đánh giá môi trường kinh doanh, các phương pháp định giá và lập báo cáo định giá. Sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu tài chính doanh nghiệp, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp và áp dụng các phương pháp định giá phù hợp. Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế trong quá trình làm việc tại các tổ chức tài chính, ngân hàng hoặc công ty tư vấn tài chính.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về định giá doanh nghiệp
 - Chương 2: Đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp
 - Chương 3: Các phương pháp định giá doanh nghiệp
 - Chương 4: Lập báo cáo định giá doanh nghiệp
 - Chương 5: Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ bản chất, mục đích và cơ sở giá trị của định giá doanh nghiệp.
 - Ứng dụng phương pháp định giá phù hợp với từng loại doanh nghiệp, mục đích định giá.

- Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu tài chính, phân tích thị trường, tính toán giá trị doanh nghiệp.
- Biết cách lập báo cáo và chứng thư định giá doanh nghiệp theo tiêu chuẩn nghề nghiệp.
- Phát triển tư duy phân tích, khả năng làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực định giá doanh nghiệp.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các quy định pháp lý trong quá trình định giá doanh nghiệp.

[BA39049] Mô hình tài chính (Financial Modeling) ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Môn học Mô hình tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết nền tảng và kỹ năng thực hành trong việc xây dựng các mô hình tài chính hỗ trợ ra quyết định tài chính. Sinh viên sẽ nắm vững các phương pháp thiết lập mô hình tài chính doanh nghiệp, mô hình tuyến tính và phi tuyến, mô hình quản lý danh mục đầu tư và mô hình tối ưu hóa danh mục chứng khoán. Ngoài ra, môn học hướng dẫn cách sử dụng công cụ Excel và các phần mềm mô phỏng để phân tích và đánh giá các quyết định tài chính. Sinh viên cũng sẽ phát triển tư duy phân tích, kỹ năng tính toán và khả năng ứng dụng công nghệ trong việc giải quyết các bài toán tài chính.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về lập mô hình tài chính, tối ưu hóa tuyến tính và phi tuyến, quản lý danh mục đầu tư, mô phỏng Monte Carlo và xác định chi phí sử dụng vốn bình quân. Sinh viên sẽ được hướng dẫn xây dựng các mô hình tài chính trên Excel, sử dụng công cụ Solver để tối ưu hóa mô hình và áp dụng các phương pháp phân tích dữ liệu tài chính. Ngoài ra, môn học nhấn mạnh việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để giúp sinh viên nâng cao khả năng ứng dụng trong môi trường thực tế.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về lập mô hình tài chính
 - Chương 2: Mô hình tối ưu hóa tuyến tính
 - Chương 3: Mô hình tối ưu hóa phi tuyến
 - Chương 4: Mô hình danh mục đầu tư chứng khoán
 - Chương 5: Mô hình mô phỏng Monte Carlo
 - Chương 6: Mô hình chi phí sử dụng vốn bình quân
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và vận dụng các phương pháp xây dựng mô hình tài chính trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp.
 - Xây dựng mô hình bằng bảng tính, xác định điều kiện ràng buộc và hàm mục tiêu khi lập mô hình tài chính.
 - Phân tích kết quả mô hình và đề xuất giải pháp trong việc ra quyết định tài chính.
 - Sử dụng Excel, công cụ hỗ trợ để lập mô hình tài chính và tối ưu hóa quyết định tài chính.
 - Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nâng cao kỹ năng tự học để cập nhật kiến thức tài chính hiện đại.

[8] **Nhóm môn tốt nghiệp (Graduation Courses)**

[BA03151] Thực tập tốt nghiệp (Internship) ----- 3[0.3.3]

- + Mục tiêu: Môn học Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên củng cố và mở rộng kiến thức đã học thông qua quá trình thực tập tại doanh nghiệp hoặc ngân hàng thương mại. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu thực tế về hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán và các quy trình nghiệp vụ liên quan. Ngoài ra, sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, thực hành các nghiệp vụ cơ bản và phát triển kỹ năng phân tích, xử lý tình huống trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Kết

thúc quá trình thực tập, sinh viên phải hoàn thành Báo cáo thực tập tốt nghiệp, trong đó trình bày chi tiết nội dung chuyên môn đã được nghiên cứu và thực hiện trong quá trình thực tập.

- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính như tìm hiểu tổng quan về đơn vị thực tập, quan sát và tham gia thực hành các nghiệp vụ cơ bản, thu thập dữ liệu và thông tin phục vụ cho báo cáo thực tập, viết và trình bày báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người hướng dẫn tại đơn vị thực tập. Sinh viên sẽ thực tập trong vòng 6 tuần tại các doanh nghiệp hoặc ngân hàng, thực hiện các nhiệm vụ theo đề cương và hoàn thành báo cáo thực tập theo đúng quy định.
- + Chi tiết các nội dung thực tập:
 - Tuần 01 ÷ 02: Tìm hiểu tổng quan về đơn vị thực tập (cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sản phẩm/dịch vụ, bộ máy quản lý, kết quả kinh doanh...).
 - Tuần 03 ÷ 04: Quan sát và thực hành một số nghiệp vụ cơ bản tại đơn vị thực tập.
 - Tuần 05 ÷ 06: Thu thập dữ liệu, viết báo cáo thực tập, hoàn thiện nội dung theo hướng dẫn.
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ tổng quan về doanh nghiệp/ngân hàng nơi thực tập và hoạt động kinh doanh chính.
 - Ứng dụng kiến thức chuyên ngành giải thích, phân tích hoạt động thực tế của nơi thực tập.
 - Thực hành nghiệp vụ cơ bản liên quan đến tài chính, kế toán, tín dụng hoặc thanh toán.
 - Thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả thực tập trong một báo cáo chuyên môn.
 - Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác nhóm và tôn trọng kỷ luật nơi thực tập.
 - Hoàn thành báo cáo thực tập đúng hạn và đảm bảo tính chính xác, khoa học theo yêu cầu của nhà trường.

[BA03152] Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức] (Graduation Exam [Choose Exam Format]) ----- 6[0.6.6]

- + Chọn thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (Thesis/Graduation Project); hoặc, chọn học 03 môn Thay thế Bài thi tốt nghiệp.

[BA03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (Thesis/Graduation Project)----- 6[0.6.6]

- + Mục tiêu: Môn học Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức và kỹ năng từ các môn học chuyên ngành để nghiên cứu và trình bày chuyên sâu một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Sinh viên sẽ thực hiện nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, từ việc xác định đề tài, thu thập dữ liệu, phân tích thông tin, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp. Quá trình thực hiện khóa luận giúp sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích và tổng hợp thông tin, cũng như nâng cao kỹ năng trình bày và bảo vệ luận điểm trước hội đồng chấm khóa luận.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về xác định đề tài nghiên cứu, tổng quan lý thuyết, phân tích thực trạng dựa trên số liệu thu thập được, đánh giá kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp. Sinh viên sẽ thực hiện nghiên cứu trong khoảng 12-13 tuần, hoàn thiện khóa luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.
- + Chi tiết các giai đoạn thực hiện khóa luận:
 - Tuần 01 ÷ 02: Xác định đề tài, viết đề cương khóa luận.
 - Tuần 03 ÷ 04: Viết phần mở đầu, xác định phạm vi, phương pháp nghiên cứu, thu thập tài liệu.
 - Tuần 05 ÷ 06: Viết chương 1 – Tổng quan lý thuyết liên quan đến đề tài.
 - Tuần 07 ÷ 08: Viết chương 2 – Phân tích thực trạng, mô tả, đánh giá trên cơ sở số liệu thu thập.
 - Tuần 09 ÷ 10: Viết chương 3 – Kết luận và đề xuất giải pháp.
 - Tuần 11: Hoàn thiện nội dung khóa luận.
 - Tuần 12: Hoàn thiện hình thức, in ấn, xin xác nhận của đơn vị thực tập và nộp khóa luận.
 - Tuần 13 (nếu có): Dự trữ thời gian chỉnh sửa và hoàn thiện.

- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành khóa luận, sinh viên có thể:
 - Hiểu và trình bày mạch lạc lý thuyết liên quan đến đề tài nghiên cứu.
 - Vận dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích và giải thích các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp/ngân hàng.
 - Ứng dụng các phương pháp phân tích tài chính, mô hình thống kê để đánh giá số liệu thực tế.
 - Trình bày khóa luận một cách khoa học, logic, bảo vệ luận điểm trước hội đồng chấm khóa luận.
 - Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện và khả năng làm việc nhóm.
 - Tuân thủ đạo đức nghiên cứu, tôn trọng quy định nhà trường và bảo mật thông tin của đơn vị thực tập.

[BA33160] TT_BTTN_Marketing ngân hàng (Banking Marketing) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Marketing ngân hàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ứng dụng marketing trong lĩnh vực ngân hàng. Sinh viên sẽ hiểu rõ đặc điểm của marketing dịch vụ tài chính, các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng, quá trình ra quyết định của khách hàng và các chiến lược marketing trong ngành ngân hàng. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghiên cứu thị trường, phân tích khách hàng, xây dựng chiến lược marketing và ứng dụng công nghệ số trong marketing ngân hàng. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan marketing ngân hàng, phân tích môi trường marketing, hành vi mua của khách hàng, nghiên cứu thị trường và các chiến lược marketing ngân hàng. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách xây dựng chiến lược marketing theo các yếu tố: sản phẩm, giá cả, phân phối, truyền thông và yếu tố con người trong ngành ngân hàng. Bên cạnh đó, môn học cũng nhấn mạnh vai trò của digital marketing và ứng dụng công nghệ trong marketing ngân hàng.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về ngân hàng và marketing ngân hàng
 - Chương 2: Môi trường marketing ngân hàng
 - Chương 3: Hành vi mua của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng
 - Chương 4: Nghiên cứu thị trường – xác định thị trường mục tiêu của ngân hàng
 - Chương 5: Chiến lược sản phẩm dịch vụ ngân hàng
 - Chương 6: Định giá sản phẩm dịch vụ ngân hàng
 - Chương 7: Phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng
 - Chương 8: Chiến lược truyền thông marketing trong ngân hàng
 - Chương 9: Yếu tố vật chất và quy trình trong lĩnh vực ngân hàng
 - Chương 10: Yếu tố con người trong lĩnh vực ngân hàng
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ về lĩnh vực ngân hàng và ứng dụng marketing trong lĩnh vực ngân hàng.
 - Nắm vững các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng và hành vi khách hàng.
 - Vận dụng nguyên tắc marketing phân tích thị trường và đề xuất chiến lược marketing phù hợp.
 - Phát triển kỹ năng nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch marketing và triển khai chiến lược marketing cho ngân hàng.
 - Ứng dụng công nghệ số trong marketing ngân hàng, bao gồm digital marketing và marketing mối quan hệ.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phản biện trong lĩnh vực marketing ngân hàng.

- Nhận thức về trách nhiệm cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và tác động của marketing đối với sự phát triển bền vững của ngân hàng.

[BA33161] TT_BTTN_Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (Mergers and Acquisitions)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A), giúp sinh viên hiểu rõ các vấn đề pháp lý, phương thức, quy trình thực hiện, cũng như các khía cạnh tài chính và kế toán liên quan. Sinh viên sẽ nắm vững các phương pháp định giá doanh nghiệp trong hoạt động M&A, cách đánh giá giá trị cộng hưởng sau sáp nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của một thương vụ M&A. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích tình huống thực tế, vận dụng kiến thức chuyên môn vào các thương vụ M&A, đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phản biện.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan hoạt động M&A, các vấn đề pháp lý liên quan, quy trình thực hiện, phương pháp định giá doanh nghiệp, các vấn đề tài chính và kế toán trong M&A, cũng như đánh giá giá trị cộng hưởng sau thương vụ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách tính toán giá trị doanh nghiệp, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cộng hưởng sau sáp nhập và ứng dụng công nghệ trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
 - Chương 2: Các vấn đề pháp lý trong M&A
 - Chương 3: Phương thức và quy trình thực hiện M&A
 - Chương 4: Định giá doanh nghiệp trong M&A
 - Chương 5: Các vấn đề tài chính và kế toán trong M&A
 - Chương 6: Giá trị cộng hưởng sau M&A
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ khái niệm, động cơ, phân loại và quy trình mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.
 - Phân tích các yếu tố pháp lý liên quan đến M&A, cũng như các vấn đề tài chính và kế toán trong thương vụ.
 - Ứng dụng các phương pháp định giá để xác định giá trị doanh nghiệp và đánh giá giá trị cộng hưởng sau sáp nhập.
 - Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động M&A, bao gồm tính toán giá trị doanh nghiệp và phân tích hiệu quả thương vụ.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán và xử lý tình huống trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
 - Nhận thức rõ vai trò của đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lý trong hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

[BA33162] TT_BTTN_Tài chính quốc tế (International Finance) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Tài chính quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính toàn cầu, giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái, lạm phát và tăng trưởng kinh tế, cũng như các yếu tố tác động đến thị trường tài chính quốc tế. Sinh viên sẽ nắm vững các chính sách tài chính quốc tế, bao gồm chính sách tỷ giá, cán cân thanh toán, bảo hộ mậu dịch và tự do thương mại. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích các rủi ro tài chính quốc tế như rủi ro hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro chính trị, đồng thời nâng cao khả năng ứng dụng công cụ tài chính trong giao dịch ngoại hối, đầu tư quốc tế và quản trị dòng vốn. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tài chính quốc tế.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái, giao dịch ngoại hối phái sinh, quan hệ giữa lãi suất – tỷ giá – giá cả, đầu tư và tài trợ

quốc tế. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích biến động tỷ giá, tác động của chính sách tài chính quốc tế đến doanh nghiệp và các chiến lược quản trị rủi ro tài chính trong môi trường toàn cầu.

- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về tài chính quốc tế
 - Chương 2: Thị trường tài chính quốc tế
 - Chương 3: Giao dịch ngoại hối phái sinh
 - Chương 4: Quan hệ giữa lãi suất – tỷ giá – giá cả
 - Chương 5: Tỷ giá và các yếu tố ảnh hưởng
 - Chương 6: Đầu tư và tài trợ quốc tế
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và giải thích các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến tài chính quốc tế như tỷ giá, cán cân thanh toán, thị trường tài chính quốc tế, dòng vốn quốc tế.
 - Phân tích chính sách tài chính quốc tế của chính phủ và doanh nghiệp, bao gồm chính sách tỷ giá, bảo hộ mậu dịch, đầu tư quốc tế và kinh doanh ngoại tệ.
 - Giải quyết các bài tập và tình huống thực tế về kinh doanh chênh lệch tỷ giá, chênh lệch lãi suất, sử dụng các công cụ phái sinh tài chính.
 - Tổng hợp, đánh giá tác động của các chính sách tài chính toàn cầu đến doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức quốc tế.
 - Phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích dữ liệu tài chính quốc tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành kỷ luật trong học tập và nghiên cứu tài chính quốc tế.

[9] Nhóm môn tự chọn chuyên ngành (Specialized Courses)

Nhóm môn tự chọn 1

[BA39037] Bảo hiểm (Insurance) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Bảo hiểm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về bảo hiểm thương mại. Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm, vai trò, đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm, cũng như các quy định pháp luật liên quan. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên hiểu rõ hoạt động của thị trường bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm quan trọng, quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích rủi ro, đánh giá thị trường bảo hiểm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Môn học còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và khả năng tự học, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan bảo hiểm, pháp luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm thương mại và thị trường bảo hiểm. Sinh viên sẽ tìm hiểu các đặc điểm của thị trường bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp bảo hiểm, cũng như khả năng thanh toán và quản trị rủi ro của các công ty bảo hiểm. Bên cạnh đó, môn học kết hợp lý thuyết với thực hành, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực bảo hiểm.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Khái quát về rủi ro và bảo hiểm
 - Chương 2: Tổng quan về bảo hiểm thương mại
 - Chương 3: Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm
 - Chương 4: Nghiệp vụ bảo hiểm thương mại (bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe)
 - Chương 5: Thị trường và doanh nghiệp bảo hiểm
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:

- Hiểu và trình bày các khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm.
- Phân tích và đánh giá thị trường bảo hiểm, các quy định pháp lý và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm.
- Ứng dụng kiến thức về hợp đồng bảo hiểm, xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.
- Giải quyết bài tập thực tế, phân tích tình huống, vận dụng nghiệp vụ bảo hiểm vào thực tiễn.
- Phát triển kỹ năng thu thập thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình và phản biện trong lĩnh vực bảo hiểm.
- Tôn trọng kỷ luật, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và cập nhật các quy định pháp lý liên quan đến bảo hiểm.

[BA39038] Ngân hàng trung ương (Central Banking) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Ngân hàng Trung ương cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chức năng, vai trò và hoạt động của ngân hàng trung ương trong nền kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu rõ các nghiệp vụ chính của ngân hàng trung ương như phát hành tiền, tín dụng, nghiệp vụ thị trường mở và điều hành chính sách tiền tệ. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, tính toán và đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế vĩ mô, đồng thời rèn luyện khả năng sử dụng công cụ tài chính trong điều hành chính sách tiền tệ. Sinh viên cũng được nâng cao kỹ năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về chức năng và mô hình tổ chức của ngân hàng trung ương, các nghiệp vụ phát hành tiền, tín dụng, nghiệp vụ thị trường mở và chính sách tiền tệ quốc gia. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến hoạt động của ngân hàng trung ương, áp dụng các công cụ phân tích kinh tế để đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đến nền kinh tế.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về Ngân hàng Trung ương
 - Chương 2: Nghiệp vụ phát hành tiền
 - Chương 3: Nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng Trung ương
 - Chương 4: Nghiệp vụ thị trường mở
 - Chương 5: Điều hành chính sách tiền tệ quốc gia
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ vai trò, chức năng và hoạt động của ngân hàng trung ương trong nền kinh tế.
 - Phân tích và đánh giá các nghiệp vụ quan trọng của ngân hàng trung ương như phát hành tiền, tín dụng, nghiệp vụ thị trường mở.
 - Ứng dụng các công cụ tài chính trong điều hành chính sách tiền tệ và đánh giá tác động của chính sách này đối với nền kinh tế.
 - Phát triển kỹ năng phân tích số liệu kinh tế vĩ mô và vận dụng vào quyết định tài chính.
 - Sử dụng phần mềm hỗ trợ như Excel, Word, PowerPoint để trình bày và thuyết trình về các vấn đề liên quan đến ngân hàng trung ương.
 - Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu độc lập.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng kỷ luật trong học tập cũng như trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

[BA39039] Tài chính công (Public Finance) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Tài chính công cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về tài chính khu vực công, giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thông qua các công cụ như thuế, chi tiêu công, đầu tư công và quản lý nợ công. Sinh viên sẽ nắm vững các nguyên tắc, chính sách tài chính công và tác động của chúng đến khu vực tư nhân

(doanh nghiệp và cá nhân). Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích ngân sách nhà nước, đánh giá chính sách thuế và chi tiêu công, cũng như ứng dụng các nguyên lý kinh tế công vào thực tế. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tài chính công.

- + Nội dung môn học: Môn học gồm nội dung chính về tổng quan tài chính công, ngân sách nhà nước, chi tiêu công và thuế. Sinh viên sẽ tìm hiểu về cách thức chính phủ huy động nguồn lực tài chính, phân bổ ngân sách và tác động của chính sách tài khóa đến nền kinh tế. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến vấn đề liên quan đến bội chi ngân sách, nợ công và hiệu quả chi tiêu công.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về tài chính công
 - Chương 2: Phân tích ngân sách nhà nước
 - Chương 3: Phân tích chi tiêu công
 - Chương 4: Phân tích thuế
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và giải thích các khái niệm, thuật ngữ về tài chính công như ngân sách nhà nước, thuế, đầu tư và chi tiêu của khu vực công, nợ công.
 - Phân tích và đánh giá các chính sách tài chính công như chính sách thuế, chi tiêu công, đầu tư công và quản lý nợ công.
 - Ứng dụng các nguyên lý kinh tế công để đánh giá vai trò của chính phủ trong cung cấp hàng hóa công và tác động của tài chính công đến khu vực tư nhân.
 - Tổng hợp và phân tích các vấn đề tài chính công, đánh giá hiệu quả và đề xuất giải pháp cho các vấn đề tài chính công trong thực tế.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tư duy phản biện và khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tài chính công.
 - Nhận thức đúng đắn về nghĩa vụ công dân như nộp thuế, tiết kiệm tài sản công và có thể giám sát hoạt động tài chính của chính phủ.

Nhóm môn tự chọn 2

[BA39040] Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio Management) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Quản lý danh mục đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý danh mục đầu tư (DMĐT), giúp sinh viên hiểu rõ các loại tài sản đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản và các công cụ tài chính khác. Sinh viên sẽ nắm vững các lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình thị trường hiệu quả, chiến lược phân bổ tài sản và các phương pháp tối ưu hóa danh mục đầu tư. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích rủi ro, đánh giá hiệu suất danh mục đầu tư và áp dụng các mô hình tài chính để đưa ra quyết định đầu tư tối ưu. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tài chính đầu tư.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan quản lý danh mục đầu tư, các chiến lược đầu tư chủ động và thụ động, quản lý danh mục cổ phiếu và trái phiếu, mô hình thị trường hiệu quả và phương pháp đo lường hiệu quả danh mục đầu tư. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các công cụ quản lý rủi ro, ứng dụng chứng khoán phái sinh trong quản lý danh mục, cũng như phương pháp tối ưu hóa danh mục dựa trên rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về quản trị danh mục đầu tư
 - Chương 2: Quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu
 - Chương 3: Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu
 - Chương 4: Lý thuyết thị trường hiệu quả
 - Chương 5: Đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư

- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ khái niệm, phân loại và phương pháp quản lý danh mục đầu tư.
 - Vận dụng chiến lược quản trị danh mục đầu tư để tối ưu hóa lợi nhuận và kiểm soát rủi ro.
 - Phân tích, đánh giá mức độ hiệu quả của danh mục đầu tư trên thị trường tài chính.
 - Ứng dụng các mô hình tài chính và công cụ định lượng để tối ưu hóa danh mục đầu tư.
 - Phát triển kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm, ra quyết định đầu tư dựa trên dữ liệu thực tế.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm.

[BA39041] Quản lý tài chính cá nhân (Personal Financial Management)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Quản lý tài chính cá nhân cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính cá nhân, giúp sinh viên hiểu và áp dụng các nguyên tắc quản lý tài chính hiệu quả. Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm về tài sản cá nhân, lập kế hoạch tài chính, quản lý rủi ro thông qua bảo hiểm, lựa chọn các kênh đầu tư phù hợp và lập kế hoạch nghỉ hưu. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng lập ngân sách cá nhân, kiểm soát chi tiêu, tối ưu hóa tài sản và đưa ra các quyết định tài chính phù hợp. Sinh viên cũng sẽ học cách sử dụng các công cụ tài chính như ứng dụng quản lý ngân sách, phần mềm đầu tư và các công cụ tiết kiệm để gia tăng giá trị tài sản cá nhân.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về quản lý tài chính cá nhân, lập kế hoạch tài chính, quản lý chi tiêu, tiết kiệm, vay tiêu dùng, quản trị rủi ro tín dụng và đầu tư tài chính. Sinh viên sẽ được hướng dẫn các phương pháp xác định mục tiêu tài chính, đánh giá tình hình tài chính cá nhân, sử dụng công cụ bảo hiểm để phòng ngừa rủi ro, đầu tư vào các kênh sinh lợi phù hợp và lập kế hoạch nghỉ hưu an toàn.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về tài chính cá nhân
 - Chương 2: Mục tiêu tài chính và lập kế hoạch tài chính
 - Chương 3: Vay tiêu dùng
 - Chương 4: Quản trị rủi ro tín dụng
 - Chương 5: Đầu tư tài chính
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và giải thích các khái niệm cơ bản về tài chính cá nhân, bao gồm quản lý tài sản, thu nhập, chi tiêu và đầu tư.
 - Vận dụng các phương pháp lập kế hoạch tài chính cá nhân để đảm bảo ổn định tài chính trong hiện tại và tương lai.
 - Xác định và phân loại các loại bảo hiểm phù hợp để phòng ngừa rủi ro tài chính cá nhân.
 - Đánh giá và lựa chọn kênh đầu tư tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản và quỹ đầu tư.
 - Quản lý nợ cá nhân, kiểm soát điểm tín dụng và xây dựng kế hoạch trả nợ hợp lý.
 - Phát triển kỹ năng lập ngân sách, làm việc nhóm, tư duy phản biện trong quản lý tài chính cá nhân.
 - Nhận thức được tầm quan trọng của kỷ luật tài chính và đạo đức nghề nghiệp trong việc quản lý tài sản cá nhân.

[BA39042] Tài chính hành vi (Behavioral Finance)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Tài chính hành vi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tâm lý ảnh hưởng đến quyết định tài chính của nhà đầu tư và nhà quản trị doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu rõ sự khác biệt giữa tài chính hành vi và tài chính truyền thống, các lý thuyết tài chính hành vi như lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng, và các hiện tượng tâm lý tác động đến quyết định đầu tư. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích hành vi thị trường, đánh giá tác động của nhận thức và cảm xúc đến quyết định tài chính,

đồng thời áp dụng các mô hình tài chính hành vi để giải thích các hiện tượng bất thường trên thị trường. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tài chính hành vi.

- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về các lý thuyết tài chính hành vi, tác động của nhận thức và cảm xúc đến quyết định tài chính, thị trường tài chính hành vi và ứng dụng tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các hiện tượng lệch lạc nhận thức, quá tự tin, cảm xúc trong đầu tư và các vấn đề tâm lý ảnh hưởng đến quyết định tài chính của cá nhân và tổ chức.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Lý thuyết hữu dụng kỳ vọng và lý thuyết triển vọng
 - Chương 2: Định giá tài sản, thị trường hiệu quả và những thách thức đối với thị trường hiệu quả
 - Chương 3: Tác động của tự nghiệm và các lệch lạc đối với việc ra quyết định tài chính
 - Chương 4: Ảnh hưởng của sự quá tự tin trong các quyết định tài chính
 - Chương 5: Tác động của cảm xúc đến nhà đầu tư cá nhân
 - Chương 6: Tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu và phân biệt tài chính hành vi - tài chính truyền thống, nắm vững lý thuyết tài chính hành vi.
 - Phân tích các tác động của tâm lý đến quyết định đầu tư và quản trị doanh nghiệp.
 - Ứng dụng các lý thuyết tài chính hành vi để giải thích những nghịch lý trong đầu tư và tài chính.
 - Đánh giá và đề xuất giải pháp giúp nhà đầu tư và doanh nghiệp kiểm soát các yếu tố tâm lý trong quyết định tài chính.
 - Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc nhóm và phân tích tình huống thực tế trên thị trường tài chính.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nâng cao ý thức kỷ luật trong việc nghiên cứu và ứng dụng tài chính hành vi.

Nhóm môn tự chọn 3

[BA39043] Chiến lược chuyển đổi số (Digital Transformation Strategy)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Chiến lược chuyển đổi số cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý, phương pháp và công cụ trong chiến lược chuyển đổi số của doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu rõ các yếu tố tác động đến quá trình chuyển đổi số như công nghệ, mô hình kinh doanh và nhu cầu khách hàng. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên vận dụng các mô hình, công cụ và phương pháp để xây dựng chiến lược số hóa cho doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các sáng kiến chuyển đổi số trong môi trường thực tế. Môn học cũng rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và tư duy phản biện, đồng thời phát triển phẩm chất cần thiết như tính chủ động, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và pháp luật.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về chuyển đổi số, khai thác mạng lưới khách hàng, xây dựng nền tảng kinh doanh, tối ưu hóa dữ liệu, đổi mới doanh nghiệp thông qua công nghệ, điều chỉnh mô hình kinh doanh và phát triển các mô hình kinh doanh đột phá. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thu thập và phân tích dữ liệu, sử dụng công nghệ thông tin để triển khai chiến lược chuyển đổi số, cũng như thực hành các case study thực tế từ các doanh nghiệp thành công trên thế giới.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Giới thiệu về chuyển đổi số
 - Chương 2: Khai thác mạng lưới khách hàng

- Chương 3: Xây dựng nền tảng kinh doanh
 - Chương 4: Biến dữ liệu thành tài sản
 - Chương 5: Đổi mới bằng thử nghiệm nhanh chóng
 - Chương 6: Điều chỉnh đề xuất giá trị
 - Chương 7: Làm chủ các mô hình kinh doanh mang tính đột phá
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
- Trình bày và giải thích rõ nguyên lý và yếu tố tác động trong chiến lược chuyển đổi số.
 - Phân tích và đánh giá các yếu tố công nghệ, mô hình kinh doanh và nhu cầu khách hàng trong bối cảnh chuyển đổi số.
 - Ứng dụng công cụ công nghệ thông tin trong quá trình lập kế hoạch, triển khai chiến lược số hóa.
 - Phát triển kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích thông tin và áp dụng chiến lược số hóa vào thực tế doanh nghiệp.
 - Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề trong chuyển đổi số.
 - Tôn trọng kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ quy định trong môi trường số hóa.

[BA39044] Công nghệ tài chính (Financial Technology (FinTech)) ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Công nghệ tài chính (FinTech) trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Sinh viên sẽ hiểu rõ các sản phẩm tài chính ứng dụng công nghệ như thanh toán điện tử, huy động vốn số, bảo hiểm số (InsurTech), quản lý tài sản (WealthTech) và công nghệ quản lý rủi ro (RegTech). Ngoài ra, môn học cung cấp kiến thức về dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ Blockchain và cách áp dụng vào các hoạt động tài chính hiện đại. Sinh viên sẽ phát triển khả năng phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội trong FinTech, đồng thời có thể vận dụng các sản phẩm công nghệ tài chính để giải quyết các tình huống thực tiễn trong doanh nghiệp, tổ chức tài chính.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm các nội dung chính về tổng quan công nghệ tài chính, hệ sinh thái FinTech, mô hình kinh doanh FinTech, các sản phẩm FinTech và quản lý rủi ro trong FinTech. Sinh viên sẽ tìm hiểu về sự phát triển của công nghệ tài chính theo các giai đoạn, cách ứng dụng công nghệ số trong dịch vụ tài chính và vai trò của các cơ quan quản lý trong việc giám sát FinTech. Ngoài ra, môn học hướng dẫn sử dụng các công cụ phân tích tài chính và đánh giá các sản phẩm FinTech trên thị trường.
- + Chi tiết các chương:
- Chương 1: Tổng quan về công nghệ tài chính
 - Chương 2: Một số công nghệ ứng dụng trong công nghệ tài chính
 - Chương 3: Hệ sinh thái công nghệ tài chính
 - Chương 4: Mô hình kinh doanh công nghệ tài chính
 - Chương 5: Các sản phẩm cơ bản của công nghệ tài chính
 - Chương 6: Quản lý công nghệ tài chính
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
- Hiểu rõ các khái niệm, vai trò và sự phát triển của công nghệ tài chính.
 - Nhận diện và phân tích các sản phẩm FinTech như thanh toán điện tử, vay ngang hàng (P2P), huy động vốn cộng đồng (Crowdfunding), bảo hiểm số, quản lý tài sản số.
 - Ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, Blockchain, dữ liệu lớn vào hoạt động tài chính - ngân hàng.
 - Đánh giá lợi ích, rủi ro và tiềm năng phát triển của FinTech đối với doanh nghiệp và nền kinh tế.
 - Sử dụng công cụ phân tích tài chính để đánh giá hiệu quả của các sản phẩm FinTech.
 - Phát triển kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ tài chính vào thực tế.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp lý liên quan đến FinTech.

[BA39045] Ngân hàng số (Digital Banking)----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Môn học Ngân hàng số trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngân hàng số, công nghệ tài chính và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng. Sinh viên sẽ hiểu rõ các xu hướng tất yếu của ngân hàng số trên thế giới và tại Việt Nam, cũng như chiến lược ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên nắm vững các công nghệ mới như API ngân hàng mở, trí tuệ nhân tạo (AI), Blockchain, định danh khách hàng điện tử (eKYC), Chatbot, Big Data và các sản phẩm tài chính số. Sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và lựa chọn các công nghệ phù hợp với hoạt động kinh doanh ngân hàng, đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và tự học để cập nhật công nghệ mới.
- + Nội dung môn học: Môn học bao gồm nội dung chính về tổng quan ngân hàng số, nguyên lý kinh doanh ngân hàng trên nền tảng số, phát triển ngân hàng công nghệ số hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong ngân hàng, định hướng quản lý và giám sát ngân hàng số tại Việt Nam. Sinh viên sẽ tìm hiểu cách công nghệ số làm thay đổi mô hình kinh doanh ngân hàng, ứng dụng FinTech và BigTech, quản lý rủi ro và chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng.
- + Chi tiết các chương:
 - Chương 1: Tổng quan về ngân hàng số
 - Chương 2: Nguyên lý kinh doanh ngân hàng trên nền tảng số
 - Chương 3: Phát triển ngân hàng công nghệ số hiện đại
 - Chương 4: Các ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh ngân hàng
 - Chương 5: Định hướng quản lý và giám sát ngân hàng trong bối cảnh FinTech
 - Chương 6: Tình hình triển khai ứng dụng ngân hàng số ở Việt Nam
- + Kết quả dự kiến: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể:
 - Hiểu rõ các khái niệm, nguyên lý và xu hướng phát triển của ngân hàng số.
 - Phân tích tác động của công nghệ số đến hoạt động kinh doanh ngân hàng và chiến lược chuyển đổi số của ngân hàng.
 - Ứng dụng công nghệ số: API, AI, Blockchain, eKYC, Big Data vào hoạt động ngân hàng.
 - Đánh giá, lựa chọn và triển khai các giải pháp ngân hàng số phù hợp với đặc điểm kinh doanh của tổ chức tài chính.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, phân tích dữ liệu và giải quyết các vấn đề trong chiến lược chuyển đổi số ngân hàng.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các quy định pháp lý trong quá trình ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực ngân hàng.

16. Chương trình đào tạo được cập nhật và thông qua:

Xây dựng và thẩm định lần 01 ----- Tháng 04/2025.

Hiệu chỉnh lần 02 (cập nhật Quy chế Quản lý đào tạo)----- Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Thị Thu

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT								PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI								YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phỏng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TH/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK1	BA13902	Toán ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]	
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
04	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]	
05	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
06	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	90	90	[LT]	[BA01]	
07	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
08	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
09	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
10	HK2	BA19002	Kinh tế vi mô	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]	
11	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
12	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA03]	
13	HK2	BA39029	Môn học tự chọn 1 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]	
14	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
15	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TH	TH	60	60	[PM]	[BA01]	
16	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
17	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
18	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA01]	
19	HK3	BA29001	Marketing căn bản	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	70	[LT]	[BA02]	
20	HK3	BA49001	Quản trị học	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	45	60	[LT]	[BA04]	
21	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN	60	60	[LT]	[BA04]	
22	HK3	BA39030	Môn học tự chọn 2 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]	
23	HK4	M103002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	[M100]	
24	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
25	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
26	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
27	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	[3.1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD+BC	VD+BC	10-15	20-25	[LT]	[BA04]	
28	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]	
29	HK4	BA39004	Kế toán tài chính 1	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
30	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA03]	
31	HK4	BA39026	Tài chính doanh nghiệp 1	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
32	HK4	BA39050	Thuế	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TN	60	60	[LT]	[BA03]	
33	HK4	BA39031	Môn học tự chọn 3 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]	
34	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
35	HK5	BA49003	Đàm phán và giao tiếp kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]	
36	HK5	BA33023	Thị trường tài chính phái sinh	[4.1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA03]	
37	HK5	BA39008	Kế toán tài chính 2	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
38	HK5	BA39013	Thanh toán quốc tế	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA03]	
39	HK5	BA39025	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng	[4.1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA03]	
40	HK5	BA39028	Kế toán quản trị	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA03]	
41	HK5	BA39050	Môn học tự chọn 4 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]	
42	HK6	BA39051	Môn học tự chọn 5 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0								

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
09	HK6	BA39037	Bảo hiểm	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA03]	
10	HK6	BA39045	Ngân hàng số	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	30	20	50	TN+TL	TL	60	60	[LT]	[BA03]	
11	HK7	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	[5.3]	TC	6[0.6.6]	6	0	0	0	0	0	6	0	6	270	0	0	0	0	0	270	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]	
12	HK7	BA33160	TT_BTTN_TC_Marketing ngân hàng	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA03]	
13	HK7	BA33161	TT_BTTN_TC_Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
14	HK7	BA39010	TT_BTTN_BB_Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	60	[LT]	[BA03]	

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
- [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
- [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương
- [1] Khoa học tự nhiên
- [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- [3] Cơ sở ngành
- [4] Chuyên ngành
- [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp
- [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
- [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- [5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI								YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phỏng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI							
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	TỰ HỌC	THE CUỐI KỲ						
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
01	HK1	BA13902	Toán ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]				
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
04	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]				
05	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
06	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	90	90	[LT]	[BA01]				
07	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
08	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]				
09	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
10	HK2	BA19002	Kinh tế vi mô	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA01]				
11	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]				
12	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA03]				
13	HK2	BA39029	Môn học tự chọn 1 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]				
14	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
15	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TH	TH	60	60	[PM]	[BA01]				
16	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
17	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
18	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA01]				
19	HK3	BA29001	Marketing căn bản	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	70	[LT]	[BA02]				
20	HK3	BA49001	Quản trị học	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	45	60	[LT]	[BA04]				
21	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN	60	60	[LT]	[BA04]				
22	HK3	BA39030	Môn học tự chọn 2 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]				
23	HK4	M103002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	[M100]				
24	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
25	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]				
26	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
27	HK4	BA43018	Khởi nghiệp	[3.1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD+BC	VD+BC	10-15	20-25	[LT]	[BA04]				
28	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]				
29	HK4	BA39004	Kế toán tài chính 1	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]				
30	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	90	[LT]	[BA03]				
31	HK4	BA39026	Tài chính doanh nghiệp 1	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]				
32	HK4	BA39050	Thuế	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TN	60	60	[LT]	[BA03]				
33	HK4	BA39031	Môn học tự chọn 3 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]				
34	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
35	HK5	BA49003	Đàm phán và giao tiếp kinh doanh	[3.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]				
36	HK5	BA33023	Thị trường tài chính phái sinh	[4.1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA03]				
37	HK5	BA39008	Kế toán tài chính 2	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]				
38	HK5	BA39013	Thanh toán quốc tế	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA03]				
39	HK5	BA39025	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng	[4.1]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA03]				
40	HK5	BA39028	Kế toán quản trị	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA03]				
41	HK5	BA39050	Môn học tự chọn 4 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]				
42	HK6	BA39051	Môn học tự chọn 5 TCNH	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA03]				
43	HK6	BA09062	Kinh doanh ngoại hối	[4.2]	BB	2[1.1.4]	2</																														

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CÚỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CÚỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
09	HK6	BA39037	Bảo hiểm	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA03]	
10	HK6	BA39045	Ngân hàng số	[4.1]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	30	20	50	TN+TL	TL	60	60	[LT]	[BA03]	
11	HK7	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	[5.3]	TC	6[0.6.6]	6	0	0	0	0	0	6	0	6	270	0	0	0	0	0	270	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]	
12	HK7	BA33160	TT_BTTN_TC_Marketing ngân hàng	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA03]	
13	HK7	BA33161	TT_BTTN_TC_Mua bán, sắp nhập doanh nghiệp	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
14	HK7	BA39010	TT_BTTN_BB_Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	60	[LT]	[BA03]	

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
- [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
- [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương
- [1] Khoa học tự nhiên
- [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- [3] Cơ sở ngành
- [4] Chuyên ngành
- [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp
- [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
- [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- [5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận